



DANH SÁCH THÍ SINH VÀO VÒNG 2
CUỘC THI TOEFL JUNIOR CHALLENGE TP. HỒ CHÍ MINH NĂM HỌC 2016 - 2017
QUẬN TÂN PHÚ



Note: Thông tin "Khối cũ"/"Lớp cũ" là thông tin của thí sinh đặc cách trong năm học trước.

Chú ý : Ấn phím tắt Ctrl + F sau đó tìm thông tin của thí sinh theo SBD hoặc Họ và tên một cách thuận tiện nhất.

Hotline: 0123 900 5888 (trong giờ hành chính)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1	Lê Thành	Danh	11-Jan-05	60110204			5	5	Hồ Văn Cường	Đặc cách
2	Thòng Quốc	Tiến	17-Nov-05	60110201			5	5	Hồ Văn Cường	Đặc cách
3	Huỳnh Gia	Bảo	29-Mar-05	60110113			5	5.1	Hồng Ngọc	Đặc cách
4	Lê Triều	Dương	14-Feb-05	60110112			5	5.1	Hồng Ngọc	Đặc cách
5	Nguyễn Phúc	Khang	8-Oct-05	60110115			5	5.1	Hồng Ngọc	Đặc cách
6	Lê Ngọc Khánh	Nghi	3-Mar-05	60110114			5	5.1	Hồng Ngọc	Đặc cách
7	Huỳnh Tuấn	Ngọc	29-Jul-05	60110117			5	5.1	Hồng Ngọc	Đặc cách
8	Trác Quan Trung	Trinh	4-Mar-05	60110118			5	5.1	Hồng Ngọc	Đặc cách
9	Nguyễn Đình Minh	Khoa	15-Sep-05	60110027			5	5.1	Lê Lai	Đặc cách
10	Đàm Lê Ngọc	Lan	1-Jul-05	60109968			5	5.1	Tân Hương	Đặc cách
11	Huỳnh Ngọc	Khánh	28-Apr-05	60110130			5	5.1	Tân Sơn Nhì	Đặc cách
12	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	18-Feb-05	60110131			5	5.1	Tân Sơn Nhì	Đặc cách
13	Bùi Hoàng	Minh	20-Apr-05	60118945			5	5.1	Tân Sơn Nhì	Đặc cách
14	Hoàng Thị Kim	Ngọc	31-Mar-05	60118948			5	5.1	Tân Sơn Nhì	Đặc cách
15	Trần Dương Hải	Thượng	10-Feb-05	60118944			5	5.1	Tân Sơn Nhì	Đặc cách
16	Dương Tú	Trang	15-Apr-05	60118940			5	5.1	Tân Sơn Nhì	Đặc cách
17	Nguyễn Thụy Tường	Vy	7-Apr-05	60110135			5	5.1	Tân Sơn Nhì	Đặc cách
18	Bùi Nguyễn Phương	Uyên	20-Jan-05	60110029			5	5.10	Lê Lai	Đặc cách
19	Võ Trần Ngọc	Mẫn	21-Jan-05	60110173			5	5.11	Phan Chu Trinh	Đặc cách
20	Đặng Ngọc	Phát	9-Sep-05	60110177			5	5.11	Phan Chu Trinh	Đặc cách
21	Nguyễn Phước	Đạt	10-May-05	60110076			5	5.2	Đoàn Thị Điểm	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
22	Nguyễn Đỗ Minh	Phương	21-Feb-05	60110039			5	5.2	Hiệp Tân	Đặc cách
23	Lê Nguyên Bảo	Châu	27-Oct-05	60118932			5	5.2	Huỳnh Văn Chính	Đặc cách
24	Nguyễn Lương Xuân	Bách	3-Mar-05	60118941			5	5.2	Tân Sơn Nhì	Đặc cách
25	Nguyễn Minh	Huy	12-Feb-05	60118942			5	5.2	Tân Sơn Nhì	Đặc cách
26	Trương Ngọc Khánh	Linh	26-Jun-05	60110140			5	5.2	Tân Sơn Nhì	Đặc cách
27	Nguyễn Hồ Châu	Ngân	12-Aug-05	60118943			5	5.2	Tân Sơn Nhì	Đặc cách
28	Nguyễn Cao	Minh	5-Apr-05	60110072			5	5.2	Tân Thới	Đặc cách
29	Nguyễn Tiểu Thanh	Nguyệt	6-Nov-05	60110071			5	5.2	Tân Thới	Đặc cách
30	Nguyễn Nam	Anh	23-Mar-05	60118933			5	5.3	Huỳnh Văn Chính	Đặc cách
31	Nguyễn Vũ Thiên	Ân	27-Oct-05	60110144			5	5.3	Tân Sơn Nhì	Đặc cách
32	Nguyễn Văn	Đạt	30-Oct-05	60118939			5	5.3	Tân Sơn Nhì	Đặc cách
33	Tô Nguyễn Khánh	Duyên	12-Apr-05	60110146			5	5.3	Tân Sơn Nhì	Đặc cách
34	Đặng Hoàng Mai	Lam	4-Aug-05	60118946			5	5.3	Tân Sơn Nhì	Đặc cách
35	Nguyễn Bùi Sỹ	Trung	1-Jul-05	60110152			5	5.3	Tân Sơn Nhì	Đặc cách
36	Chu Nguyễn Thảo	Anh	27-May-05	60110123			5	5.3	Võ Thị Sáu	Đặc cách
37	Nguyễn Ngọc Bảo	Vy	18-Jan-05	60110124			5	5.3	Võ Thị Sáu	Đặc cách
38	Vũ Phương	Minh	26-Nov-05	60110077			5	5.4	Đoàn Thị Điểm	Đặc cách
39	Thân Đức Hải	Đăng	15-Dec-05	60118935			5	5.4	Huỳnh Văn Chính	Đặc cách
40	Phạm Nguyễn Bảo	Long	17-Aug-05	60118934			5	5.4	Huỳnh Văn Chính	Đặc cách
41	Nguyễn Thị An	Hòa	8-Mar-05	60110162			5	5.4	Phan Chu Trinh	Đặc cách
42	Bùi Bảo	Như	6-May-05	60110160			5	5.4	Phan Chu Trinh	Đặc cách
43	Trần Lê Minh	Hoàng	23-Jan-05	60110154			5	5.4	Tân Sơn Nhì	Đặc cách
44	Hầu Thái	Tú	20-Jul-05	60110058			5	5.5	Hiệp Tân	Đặc cách
45	Lê Hoàng Thảo	Nhi	23-Oct-05	60118931			5	5.5	Lê Lai	Đặc cách
46	Phan Minh Ngọc	Hân	13-Mar-05	60110164			5	5.5	Phan Chu Trinh	Đặc cách
47	Hà Thị Bảo	Như	21-Dec-05	60110166			5	5.5	Phan Chu Trinh	Đặc cách
48	Nguyễn Anh	Quân	14-Oct-05	60110163			5	5.5	Phan Chu Trinh	Đặc cách
49	Tôn Thất	Huy	16-Apr-05	60110002			5	5.5	Tân Hương	Đặc cách
50	Nguyễn Lan	Anh	29-May-05	60110079			5	5.6	Đoàn Thị Điểm	Đặc cách
51	Phạm Thị Thu	Thảo	4-Jun-05	60110100			5	5.6	Đoàn Thị Điểm	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
52	Hồ Ngọc	Hân	7-Sep-05	60118938			5	5.7	Phan Chu Trinh	Đặc cách
53	Trần Đông	Đông	29-Jan-05	60110015			5	5.9	Tân Hương	Đặc cách
54	Nguyễn Trần Đức	Trung	9-Oct-05	60110019			5	5.9	Tân Hương	Đặc cách
55	Âu Nguyễn Hùng	Mạnh	15-Mar-04				6	6.4	Lê Anh Xuân	Đặc cách
56	Trần Quỳnh Bảo	Ngân	25-Sep-04				6	6.4	Lê Anh Xuân	Đặc cách
57	Nguyễn Hải	Phong	14-May-04				6	6.4	Lê Anh Xuân	Đặc cách
58	Nguyễn Phước Hoàng	Như	28-Feb-04				6	6/01	Phan Bội Châu	Đặc cách
59	Lê Bảo	Quỳnh	15-Nov-04				6	6/01	Phan Bội Châu	Đặc cách
60	Dương Ngọc Minh	Thư	18-Oct-04				6	6/01	Phan Bội Châu	Đặc cách
61	Nguyễn Hồng	Ân	02-Dec-04				6	6/06	Phan Bội Châu	Đặc cách
62	Vòng Thu	Yến	22-Sep-04				6	6/06	Phan Bội Châu	Đặc cách
63	Phan Nguyễn Bảo	Ngọc	08-Sep-04				6	6/09	Phan Bội Châu	Đặc cách
64	Lê Đình Việt	Khoa	08-Dec-04				6	6/1	Hùng Vương	Đặc cách
65	Lê Thảo	Vân	01-Mar-04				6	6/16	Võ Thành Trang	Đặc cách
66	Khuất Thị Lan	Khanh	01-May-04				6	6/2	Lê Anh Xuân	Đặc cách
67	Lê Văn Hoàng	Phúc	16-Jan-04				6	6/2	Lê Anh Xuân	Đặc cách
68	Lê Trung	Quân	13-Jul-04				6	6/2	Lê Anh Xuân	Đặc cách
69	Chềnh Hưng	Bách	07-Mar-04				6	6/2	Thoại Ngọc Hầu	Đặc cách
70	Đỗ Thành	Đạt	07-Nov-04				6	6/4	Võ Thành Trang	Đặc cách
71	Lữ Thiên	Vũ	08-Apr-03				6	6/4	Võ Thành Trang	Đặc cách
72	Đình Bảo	Lâm	09-Aug-04				6	6/5	Lê Anh Xuân	Đặc cách
73	Nguyễn Hoàng Hồng	Phúc	14-Oct-04				6	6/5	Võ Thành Trang	Đặc cách
74	Bùi Minh	Duy	09-Oct-04				6	6/6	Lê Anh Xuân	Đặc cách
75	Lê Thế	Hung	25-Jun-04				6	6/6	Lê Anh Xuân	Đặc cách
76	Trần Huỳnh Minh	Thư	31-Mar-04				6	6/6	Lê Anh Xuân	Đặc cách
77	Nguyễn Hoàng	Khang	02-Apr-04				6	6/8	Đặng Trần Côn	Đặc cách
78	Hoành Văn	Tấn	23-Feb-04				6	6/8	Đặng Trần Côn	Đặc cách
79	Nguyễn Trần Nhật	Huy	17-Jul-04				6	6/8	Võ Thành Trang	Đặc cách
80	Võ Trung Đức	Anh	18-Jun-04				6	6-1	Trần Quang Khải	Đặc cách
81	Cao Toàn	Phúc	17-Nov-04				6	6-11	Đặng Trần Côn	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
82	Bùi Quang	Huy	03-Feb-04				6	6A13	Lê Lợi	Đặc cách
83	Nguyễn Đỗ Thanh	Ngọc	25-Sep-04				6	6A13	Lê Lợi	Đặc cách
84	Nguyễn Vũ Quỳnh	Anh	16-Dec-04				6	6A15	Lê Lợi	Đặc cách
85	Nguyễn Khánh	Duy	12-Feb-03				6	Lớp 6	THCS Lê Anh Xuân	Đặc cách
86	Lý Thế	Vinh	16-Feb-03				6	Lớp 6	THCS Lê Anh Xuân	Đặc cách
87	Phạm Thanh	Tùng	27-Dec-03				6	Lớp 6/1	THCS Trần Quang Khải	Đặc cách
88	Lê Ngọc	Thảo	16-Sep-03				6	Lớp 6/10	THCS Hùng Vương	Đặc cách
89	Nguyễn Trọng	Đức	01-Jan-03				6	Lớp 6/14	THCS Phan Bội Châu	Đặc cách
90	Vũ Linh	Nhi	19-Mar-03				6	Lớp 6/2	THCS Phan Bội Châu	Đặc cách
91	Đoàn Phúc	An	09-Mar-03				6	Lớp 6/5	THCS Trần Quang Khải	Đặc cách
92	Phạm Hoàng	Vỹ	09-Nov-03				6	Lớp 6A8	THCS Đặng Trần Côn	Đặc cách
93	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	21-Aug-03				7	7/01	Phan Bội Châu	Đặc cách
94	Mang Viên Hoàng	Mai	03-Nov-03				7	7/01	Phan Bội Châu	Đặc cách
95	Trịnh Xuân	Quý	19-Mar-03				7	7/01	Phan Bội Châu	Đặc cách
96	Lê Hoàng Phương	Thy	04-Oct-03				7	7/01	Phan Bội Châu	Đặc cách
97	Hồ Nguyễn Nhã	Uyên	11-Jun-03				7	7/01	Phan Bội Châu	Đặc cách
98	Nguyễn Dương	Đông	24-Oct-03				7	7/02	Phan Bội Châu	Đặc cách
99	Trần Tuấn	Kiệt	19-Feb-03				7	7/02	Phan Bội Châu	Đặc cách
100	Võ Hồng	Lam	05-Dec-03				7	7/02	Phan Bội Châu	Đặc cách
101	Võ Thùy	Nhiên	14-Sep-03				7	7/02	Phan Bội Châu	Đặc cách
102	Nguyễn Trần Mai	Phương	16-Jan-03				7	7/02	Phan Bội Châu	Đặc cách
103	Hà Nguyễn Đoan	Thanh	07-Feb-03				7	7/02	Phan Bội Châu	Đặc cách
104	Võ Đình Quế	Châu	27-Apr-03				7	7/03	Phan Bội Châu	Đặc cách
105	Nguyễn Ngọc Xuân	Đào	17-Apr-03				7	7/03	Phan Bội Châu	Đặc cách
106	Lê Quang	Khánh	24-Jul-03				7	7/03	Phan Bội Châu	Đặc cách
107	Nguyễn Thị Thanh	Mai	06-Sep-03				7	7/03	Phan Bội Châu	Đặc cách
108	Trần Ngọc Phương	Nhi	15-Feb-03				7	7/03	Phan Bội Châu	Đặc cách
109	Lưu Hồng	Phúc	06-Nov-03				7	7/1	Hùng Vương	Đặc cách
110	Bùi Nguyễn Lan	Anh	06-Sep-03				7	7/1	Lê Anh Xuân	Đặc cách
111	Huỳnh Thái	Dương	09-Aug-03				7	7/1	Lê Anh Xuân	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
112	Bùi Ngọc	Linh	28-Nov-03				7	7/1	Lê Anh Xuân	Đặc cách
113	Võ Trần Thanh	Trúc	20-Jul-03				7	7/1	Lê Anh Xuân	Đặc cách
114	Trần Ngọc Uyên	Phương	17-Sep-03				7	7/1	Trần Quang Khải	Đặc cách
115	Trần Trung	Hiếu	19-Jul-03				7	7/15	Võ Thành Trang	Đặc cách
116	Trương Tấn	Phát	28-Aug-03				7	7/19	Lê Anh Xuân	Đặc cách
117	Châu Gia	Kiệt	04-Dec-03				7	7/2	Hồng Ngọc	Đặc cách
118	Đinh Phương	Anh	11-Sep-03				7	7/3	Lê Anh Xuân	Đặc cách
119	Phan Gia	Bảo	08-May-03				7	7/6	Lê Anh Xuân	Đặc cách
120	Nguyễn Lê Hữu	Đại	01-Jul-03				7	7/6	Lê Anh Xuân	Đặc cách
121	Lê Bùi Phúc	Đăng	20-Nov-03				7	7/6	Lê Anh Xuân	Đặc cách
122	Nguyễn Khánh	Duy	11-Oct-03				7	7/6	Lê Anh Xuân	Đặc cách
123	Nguyễn Hoàng	Phúc	30-Dec-03				7	7/6	Lê Anh Xuân	Đặc cách
124	Lê Nguyễn Kim	Thoa	16-Sep-03				7	7/6	Lê Anh Xuân	Đặc cách
125	Huỳnh Ngọc Hoài	Thương	01-Nov-03				7	7/7	Lê Anh Xuân	Đặc cách
126	Nguyễn Ngọc	Thông	09-Nov-03				7	7'13	Lê Anh Xuân	Đặc cách
127	Hà Lê Hoàng	Quý	30-Aug-03				7	7'17	Lê Anh Xuân	Đặc cách
128	Báo Tôn Nữ Phương	Anh	15-Nov-03				7	7'4	Lê Anh Xuân	Đặc cách
129	Đinh Ngọc Yến	Nhi	14-Apr-03				7	7'4	Lê Anh Xuân	Đặc cách
130	Nguyễn Nhật	Minh	25-Jan-03				7	7-4	Đặng Trần Côn	Đặc cách
131	Lâm Hoài	Hiếu	29-Aug-03				7	7'5	Lê Anh Xuân	Đặc cách
132	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	15-May-03				7	7A1	Lê Lợi	Đặc cách
133	Phạm Ngọc Thùy	Dương	21-Nov-03				7	7T1	Lê Lợi	Đặc cách
134	Hoàng Thị Cẩm	Khuê	06-Sep-03				7	7T1	Lê Lợi	Đặc cách
135	Nguyễn Hoàng Phúc	Thảo	06-Jul-03				7	7T1	Lê Lợi	Đặc cách
136	Trần Thế	Vinh	26-Jan-03				7	7T2	Lê Lợi	Đặc cách
137	Phan Tấn	Cường	31-Jul-02				7	Lớp 7	THCS Lê Anh Xuân	Đặc cách
138	Lê Đỗ	Quyên	15-Jul-02				7	Lớp 7/2	THCS Phan Bội Châu	Đặc cách
139	Nguyễn Thị Phương	Thảo	28-Jan-02				7	Lớp 7/2	THCS Phan Bội Châu	Đặc cách
140	Trương Mỹ	Hiền	06-Sep-02				7	Lớp 7/2	THCS Trần Quang Khải	Đặc cách
141	Võ Hoàng Anh	Thư	21-Sep-02				7	Lớp 7/2	THCS Trần Quang Khải	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
142	Hồ Quỳnh	Thương	05-Jan-02				7	Lớp 7/2	THCS Trần Quang Khải	Đặc cách
143	Lê Phạm Cảnh	Nguyên	15-Feb-02				7	Lớp 7/3	THCS Lê Anh Xuân	Đặc cách
144	Nguyễn Xuân	Hiền	06-Nov-02				7	Lớp 7/4	THCS Đồng Khởi	Đặc cách
145	Osaki Quốc	Anh	10-Sep-02				7	Lớp 7A4	THCS Đặng Trần Côn	Đặc cách
146	Võ Hiền Hải	Thuận	02-Jun-02				7	Lớp 7A4	THCS Nguyễn Huệ	Đặc cách
147	Trần Ngọc Phương	Uyên	22-Aug-02				7	Lớp 7A7	THCS Nguyễn Huệ	Đặc cách
148	Đinh Xuân	Tiến	16-Jul-03				7		Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
149	Dương Đỗ Duy	An	10-Jan-02				8	8/1	Hùng Vương	Đặc cách
150	Nguyễn Bá Duy	Anh	02-Dec-02				8	8/1	Lê Anh Xuân	Đặc cách
151	Nguyễn Trần Trâm	Anh	01-Jan-02				8	8/1	Lê Anh Xuân	Đặc cách
152	Nguyễn Đình Trung	Chánh	28-Oct-02				8	8/1	Lê Anh Xuân	Đặc cách
153	Hà Thị Quỳnh	Như	12-Jun-02				8	8/1	Lê Anh Xuân	Đặc cách
154	Nguyễn Thanh	Phương	06-Jul-02				8	8/1	Lê Anh Xuân	Đặc cách
155	Dương Minh	Thư	11-Jun-02				8	8/1	Lê Anh Xuân	Đặc cách
156	Nguyễn Anh	Tú	07-Sep-02				8	8/1	Lê Anh Xuân	Đặc cách
157	Lê Phương	Uyên	22-Feb-02				8	8/1	Lê Anh Xuân	Đặc cách
158	Huỳnh Thị Yến	Vy	13-May-02				8	8/1	Lê Anh Xuân	Đặc cách
159	Dương Thị Ngọc	Diệp	11-Sep-02				8	8/1	Thoại Ngọc Hầu	Đặc cách
160	Lìu Lan	Hương	07-Jun-02				8	8/1	Thoại Ngọc Hầu	Đặc cách
161	Khương An	Khương	15-Jan-02				8	8/1	Thoại Ngọc Hầu	Đặc cách
162	Tô Lê	Nam	21-Dec-02				8	8/1	Thoại Ngọc Hầu	Đặc cách
163	Đinh Mạnh	Tuấn	10-Aug-02				8	8/1	Thoại Ngọc Hầu	Đặc cách
164	Trần Mỹ	Yến	29-Jul-02				8	8/1	Thoại Ngọc Hầu	Đặc cách
165	Lê Ngọc	Hân	27-Feb-02				8	8/12	Lê Anh Xuân	Đặc cách
166	Phạm Bùi Thúy	Vy	30-May-02				8	8/12	Lê Anh Xuân	Đặc cách
167	Dương Anh	Lộc	02-Feb-02				8	8/13	Lê Anh Xuân	Đặc cách
168	Nguyễn Hoàng Tường	Thy	27-Nov-02				8	8/13	Lê Anh Xuân	Đặc cách
169	Trần Nguyễn Bích	Trâm	22-Jul-02				8	8/15	Lê Anh Xuân	Đặc cách
170	Phan Lê Anh	Kiệt	29-Apr-02				8	8/2	Lê Anh Xuân	Đặc cách
171	Cao Phạm Nhật	Linh	24-Jan-02				8	8/2	Lê Anh Xuân	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
172	Nguyễn Hoàng Đông	Nghi	18-Dec-01				8	8/2	Lê Anh Xuân	Đặc cách
173	Nguyễn Đức	Thịnh	13-Jun-02				8	8/2	Lê Anh Xuân	Đặc cách
174	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	03-Apr-02				8	8/2	Lê Anh Xuân	Đặc cách
175	Lưu Tuấn Mạnh	Tường	06-Mar-02				8	8/2	Lê Anh Xuân	Đặc cách
176	Phạm	Khánh	11-Mar-02				8	8/2	Thoại Ngọc Hầu	Đặc cách
177	Lê Thanh Tuyết	Nhy	03-Feb-02				8	8/2	Thoại Ngọc Hầu	Đặc cách
178	Lê Ngọc	Trí	20-Feb-02				8	8/2	Thoại Ngọc Hầu	Đặc cách
179	Trần Trâm	Anh	11-Jul-02				8	8/3	Lê Anh Xuân	Đặc cách
180	Đặng Bảo	Châu	14-Oct-02				8	8/3	Lê Anh Xuân	Đặc cách
181	Nguyễn Châu	Giang	06-Aug-02				8	8/3	Lê Anh Xuân	Đặc cách
182	Nguyễn Lưu Thanh	Ngân	20-May-02				8	8/3	Lê Anh Xuân	Đặc cách
183	Lê Minh	Nhật	08-May-02				8	8/3	Lê Anh Xuân	Đặc cách
184	Lê Sỹ Quỳnh	Như	11-Aug-02				8	8/3	Lê Anh Xuân	Đặc cách
185	Nguyễn Trần Minh	Quân	06-Apr-02				8	8/3	Lê Anh Xuân	Đặc cách
186	Vũ Đặng Diễm	Quỳnh	15-Dec-02				8	8/3	Lê Anh Xuân	Đặc cách
187	Võ Hoàng Anh	Thi	30-Sep-02				8	8/3	Lê Anh Xuân	Đặc cách
188	Nguyễn Phúc Hưng	Thịnh	01-Apr-02				8	8/3	Lê Anh Xuân	Đặc cách
189	Nguyễn Hoàng Song	Thư	22-Jul-02				8	8/3	Lê Anh Xuân	Đặc cách
190	Lê Đức Minh	Duy	30-Aug-02				8	8/4	Lê Anh Xuân	Đặc cách
191	Trịnh Thùy	Linh	19-Dec-02				8	8/4	Lê Anh Xuân	Đặc cách
192	Chương Kỳ	Phong	15-Mar-02				8	8/4	Lê Anh Xuân	Đặc cách
193	Hồ Lê Trúc	Quỳnh	12-Apr-02				8	8/4	Lê Anh Xuân	Đặc cách
194	Phạm Huy	Khang	10-Mar-02				8	8/4	Võ Thành Trang	Đặc cách
195	Tsần Thông	Tuấn	03-Apr-02				8	8/5	Hùng Vương	Đặc cách
196	Ngô Thanh	Như	27-Jan-02				8	8/5	Lê Anh Xuân	Đặc cách
197	Trần Nguyên	Bảo	04-Aug-02				8	8/6	Lê Anh Xuân	Đặc cách
198	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	04-Aug-02				8	8/6	Lê Anh Xuân	Đặc cách
199	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	26-Jun-02				8	8/6	Lê Anh Xuân	Đặc cách
200	Hồ Đỗ Minh	Quân	04-Oct-02				8	8/6	Lê Anh Xuân	Đặc cách
201	Bảo Phúc Quý	Tài	18-Feb-02				8	8/6	Lê Anh Xuân	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
202	Dương Phạm Ngọc	Trân	05-May-02				8	8/6	Lê Anh Xuân	Đặc cách
203	Trần Thị Thùy	Trang	31-Jul-02				8	8/6	Lê Anh Xuân	Đặc cách
204	Đinh Vũ Phương	Linh	30-Jul-02				8	8/7	Lê Anh Xuân	Đặc cách
205	Lai Ngọc	Mai	06-Mar-02				8	8/7	Võ Thành Trang	Đặc cách
206	Phan Phú	Hung	12-Feb-02				8	8/9	Đặng Trần Côn	Đặc cách
207	Trương Quỳnh	My	09-Sep-02				8	8/9	Đặng Trần Côn	Đặc cách
208	Mai Thanh	Xuân	02-Feb-02				8	8/9	Đặng Trần Côn	Đặc cách
209	Vũ Minh	Ngọc	26-Mar-02				8	8/9	Võ Thành Trang	Đặc cách
210	Bùi Thị Linh	Chi	24-Aug-02				8	8-10	Trần Quang Khải	Đặc cách
211	Trương Nguyễn Hùng	Thịnh	13-Jun-02				8	8-2	Trần Quang Khải	Đặc cách
212	Võ Hưng	Khang	12-Nov-02				8	8-8	Trần Quang Khải	Đặc cách
213	Trần Minh	Quang	29-Jul-02				8	8A1	Tân Thới Hòa	Đặc cách
214	Phan Khánh	An	09-Dec-02				8	8A2	Lê Lợi	Đặc cách
215	Trần Thành	Thông	16-Feb-02				8	8A2	Lê Lợi	Đặc cách
216	Mai Ngọc Minh	Tú	27-Oct-02				8	8T1	Lê Lợi	Đặc cách
217	Cao Anh	Đức	22-Feb-01				9	9.1	Lê Anh Xuân	Đặc cách
218	Nguyễn Hồng	Hải	03-Jan-01				9	9.1	Lê Anh Xuân	Đặc cách
219	Nguyễn Thanh	Huy	07-Oct-01				9	9.1	Lê Anh Xuân	Đặc cách
220	Trần Nguyễn Linh	Phương	26-Nov-01				9	9.1	Lê Anh Xuân	Đặc cách
221	Lê Ngọc Diễm	Tú	21-May-01				9	9.1	Lê Anh Xuân	Đặc cách
222	Nguyễn Minh	Khánh	03-Jan-01				9	9.2	Lê Anh Xuân	Đặc cách
223	Nguyễn Đỗ Thanh	Thảo	04-Nov-01				9	9.2	Lê Anh Xuân	Đặc cách
224	Nguyễn Ngọc Minh	Trang	25-Jan-01				9	9.2	Lê Anh Xuân	Đặc cách
225	Huỳnh Anh	Tuấn	14-May-01				9	9.2	Lê Anh Xuân	Đặc cách
226	Cao Phương	Anh	26-Aug-01				9	9/01	Phan Bội Châu	Đặc cách
227	Nguyễn Hoàng Nam	Phương	10-May-01				9	9/01	Phan Bội Châu	Đặc cách
228	Trần Hữu	Trí	10-Feb-01				9	9/01	Phan Bội Châu	Đặc cách
229	Nguyễn Hoài	Trang	26-Nov-01				9	9/03	Phan Bội Châu	Đặc cách
230	Trần Minh	Trường	30-Oct-01				9	9/03	Phan Bội Châu	Đặc cách
231	Phạm Hồng Phương	Thảo	09-Sep-01				9	9/1	Thoại Ngọc Hầu	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
232	Bùi Hoàng	Phúc	23-Aug-01				9	9/1	Trần Quang Khải	Đặc cách
233	Trần Hải	Đăng	10-Jun-01				9	9/1	Võ Thành Trang	Đặc cách
234	Nguyễn Quang	Huy	02-Aug-01				9	9/1	Võ Thành Trang	Đặc cách
235	Vũ Thị Quỳnh	Trang	16-Oct-01				9	9/1	Võ Thành Trang	Đặc cách
236	Trịnh Trần Thảo	Trang	14-Dec-01				9	9/1	Đặng Trần Côn	Đặc cách
237	Sỹ Tuấn	Ngọc	01-Aug-01				9	9/10	Phan Bội Châu	Đặc cách
238	Su Mỹ	Dĩnh	02-Jul-01				9	9/11	Phan Bội Châu	Đặc cách
239	Nguyễn Hoàng Gia	Huy	22-Dec-01				9	9/12	Lê Anh Xuân	Đặc cách
240	Nguyễn Trần Thanh	Trâm	21-Sep-01				9	9/2	Trần Quang Khải	Đặc cách
241	Trần Vĩ	Hào	15-Dec-01				9	9/3	Hùng Vương	Đặc cách
242	Phạm Lê	Khang	19-Nov-01				9	9/3	Hùng Vương	Đặc cách
243	Trần Thanh Thuỳ	Trình	25-Mar-01				9	9/3	Hùng Vương	Đặc cách
244	Hà Gia	Hân	24-Jun-01				9	9/3	Lê Anh Xuân	Đặc cách
245	Ngô Thụy Phương	Quỳnh	14-Sep-01				9	9/3	Lê Anh Xuân	Đặc cách
246	Mai Hải	Thiên	06-Sep-01				9	9/3	Lê Anh Xuân	Đặc cách
247	Nguyễn Trần Anh	Phương	31-Jan-01				9	9/3	Thoại Ngọc Hầu	Đặc cách
248	Trần Ngọc	Phượng	19-May-01				9	9/3	Thoại Ngọc Hầu	Đặc cách
249	Trần Phan Hải	Thy	15-Mar-01				9	9/3	Thoại Ngọc Hầu	Đặc cách
250	Nguyễn Hoàng	Duy	08-May-01				9	9/4	Hùng Vương	Đặc cách
251	Nguyễn Hoàng	Minh	27-Nov-01				9	9/4	Lê Anh Xuân	Đặc cách
252	Bùi Nguyễn Nhật	Tân	07-Sep-01				9	9/5	Hùng Vương	Đặc cách
253	Mai Quế	Anh	06-Apr-01				9	9/5	Lê Anh Xuân	Đặc cách
254	Trần Ngọc	Dung	30-Aug-01				9	9/5	Lê Anh Xuân	Đặc cách
255	Võ Trương Thiên	Kim	21-Nov-01				9	9/5	Lê Anh Xuân	Đặc cách
256	Nguyễn Ngọc Hoài	An	02-Apr-01				9	9/6	Lê Anh Xuân	Đặc cách
257	Mai Thanh	Uyên	15-Aug-01				9	9/6	Lê Anh Xuân	Đặc cách
258	Lê Nhật	Minh	25-Dec-01				9	9/9	Lê Anh Xuân	Đặc cách
259	Trần Phạm Thiên	Phúc	31-Jul-01				9	9/9	Lê Anh Xuân	Đặc cách
260	Vũ Trần Thanh	Phương	20-Jun-01				9	9/9	Lê Anh Xuân	Đặc cách
261	Hoàng Văn Kim	Thanh	04-May-01				9	9/9	Lê Anh Xuân	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
262	Ngô Võ Hồng	Huyền	12-May-01				9	9A1	Lê Lợi	Đặc cách
263	Trần Kiến	An	11-May-01				9	9A1	Tân Thới Hòa	Đặc cách
264	Trần Thanh	Liêm	22-Apr-01				9	9A4	Lê Lợi	Đặc cách
265	Dương Minh	Duy	20-Mar-01				9	9T1	Lê Lợi	Đặc cách
266	Hồ Đắc	Khánh	24-Feb-01				9	9T1	Lê Lợi	Đặc cách
267	Nguyễn Đức	Phong	15-Oct-01				9	9T1	Lê Lợi	Đặc cách
268	Bùi Như	Quỳnh	12-Jun-01				9	9T1	Lê Lợi	Đặc cách
269	Nguyễn Thành	Thông	30-Oct-01				9	9T1	Lê Lợi	Đặc cách
270	Đào Anh	Thư	12-Feb-01				9	9T1	Lê Lợi	Đặc cách
271	Phạm Thị Minh	Thư	18-Jan-01				9	9T1	Lê Lợi	Đặc cách
272	Nguyễn Trần Thủy	Tiên	18-Aug-01				9	9T1	Lê Lợi	Đặc cách
273	Lương Đình Thiên	Trúc	02-Aug-01				9	9T1	Lê Lợi	Đặc cách
274	Lương Duy	Hưng	31-Jan-01				9	9T2	Lê Lợi	Đặc cách
275	Bùi Khánh	Linh	09-Aug-01				9	9T2	Lê Lợi	Đặc cách
276	Huỳnh Trung	Nghĩa	11-Jan-01				9	9T2	Lê Lợi	Đặc cách
277	Huỳnh Thị Phương	Thảo	18-Apr-01				9	9T2	Lê Lợi	Đặc cách
278	Nguyễn Ngọc	Vũ	21-May-01				9	9T2	Lê Lợi	Đặc cách
279	ĐỖ VŨ VÂN	ANH	26-Jun-05	60141626	6	6 / 10			VỖ THÀNH TRANG	
280	LÊ THỊ	HƯỜNG	10-Mar-05	60141628	6	6 / 10			VỖ THÀNH TRANG	
281	PHẠM THỊ BÍCH	HUYỀN	30-Aug-05	60141632	6	6 / 10			VỖ THÀNH TRANG	
282	TRẦN NGÔ MINH	PHÚC	27-Feb-05	60141634	6	6 / 10			VỖ THÀNH TRANG	
283	THÁI THIÊN	TUÔNG	06-May-05	60141633	6	6 / 10			VỖ THÀNH TRANG	
284	TRẦN NGUYỄN QUỲNH	ANH	11-Mar-05	60141656	6	6 / 12			VỖ THÀNH TRANG	
285	HỒ GIA	BẢO	23-Oct-05	60141643	6	6 / 12			VỖ THÀNH TRANG	
286	TRẦN ANH	DŨNG	26-Jul-05	60141654	6	6 / 12			VỖ THÀNH TRANG	
287	NGUYỄN	HUÂN	31-Jan-05	60141645	6	6 / 12			VỖ THÀNH TRANG	
288	HỒ ANH	KIỆT	24-Feb-05	60141642	6	6 / 12			VỖ THÀNH TRANG	
289	TRẦN THỊ THANH	NGÂN	23-Aug-05	60141657	6	6 / 12			VỖ THÀNH TRANG	
290	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	NHI	09-Jul-05	60141647	6	6 / 12			VỖ THÀNH TRANG	
291	THÂN NG. MINH	TRIẾT	18-Feb-05	60141653	6	6 / 12			VỖ THÀNH TRANG	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
292	PHAN LÂM CẨM	UYÊN	08-Mar-05	60141652	6	6 / 12			VỖ THÀNH TRANG	
293	LÊ HỮU THIÊN	ÂN	25-Jun-05	60141665	6	6 / 13			VỖ THÀNH TRANG	
294	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	HUYỀN	06-Jun-05	60141667	6	6 / 13			VỖ THÀNH TRANG	
295	TRẦN THỊ THÙY	LINH	11-Feb-05	60141676	6	6 / 13			VỖ THÀNH TRANG	
296	DOÃN NGỌC BẢO	NGHI	01-Jun-05	60141663	6	6 / 13			VỖ THÀNH TRANG	
297	NGUYỄN LÊ QUỲNH	NHU'	14-Apr-05	60141669	6	6 / 13			VỖ THÀNH TRANG	
298	NGUYỄN KIM	PHỤNG	24-Aug-05	60141668	6	6 / 13			VỖ THÀNH TRANG	
299	PHẠM VỖ THANH	THẢO	25-Jun-05	60141675	6	6 / 13			VỖ THÀNH TRANG	
300	ĐDẶNG THỊ THẢO	TRANG	10-Nov-05	60141662	6	6 / 13			VỖ THÀNH TRANG	
301	HOÀNG THANH	TRÚC	12-May-05	60141664	6	6 / 13			VỖ THÀNH TRANG	
302	TÔN THẮT	HUY	16-Apr-05	60141691	6	6 / 14			VỖ THÀNH TRANG	
303	PHẠM TRƯỞNG THANH	NGÂN	20-Apr-05	60141688	6	6 / 14			VỖ THÀNH TRANG	
304	NGUYỄN ANH	NGUYỄN	24-Oct-05	60141682	6	6 / 14			VỖ THÀNH TRANG	
305	ĐỖ HOÀNG	TUẤN	18-Nov-05	60141680	6	6 / 14			VỖ THÀNH TRANG	
306	NGUYỄN HUUỲNH BẢO	UYÊN	03-Feb-05	60141684	6	6 / 14			VỖ THÀNH TRANG	
307	HỒ HOÀNG	GIANG	07-Apr-05	60141698	6	6 / 3			VỖ THÀNH TRANG	
308	NGUYỄN T. NGỌC	LINH	4-Sep-05	60141702	6	6 / 3			VỖ THÀNH TRANG	
309	HÀ THỊ KIỀU	NHI	08-Nov-05	60141697	6	6 / 3			VỖ THÀNH TRANG	
310	TRẦN THÁI	TUẤN	19-Jun-05	60141706	6	6 / 3			VỖ THÀNH TRANG	
311	DƯƠNG TẤN	PHÁT	27-Feb-05	60141709	6	6 / 4			VỖ THÀNH TRANG	
312	NGUYỄN HOÀNG HẢI	ĐĂNG	12-Nov-05	60141715	6	6 / 5			VỖ THÀNH TRANG	
313	NGUYỄN VŨ THÙY	MY	12-Nov-05	60141719	6	6 / 5			VỖ THÀNH TRANG	
314	NGUYỄN HUỲNH ANH	THU'	25-Jun-05	60141717	6	6 / 5			VỖ THÀNH TRANG	
315	HUỲNH NGUYỄN GIA	HÂN	24-Feb-05	60141725	6	6 / 6			VỖ THÀNH TRANG	
316	LÊ VIỆT	HÙNG	22-Jun-05	60141726	6	6 / 6			VỖ THÀNH TRANG	
317	NGUYỄN VĨ	KHANG	27-Apr-05	60141745	6	6 / 7			VỖ THÀNH TRANG	
318	DƯƠNG QUỐC	KHÁNH	02-Sep-05	60141741	6	6 / 7			VỖ THÀNH TRANG	
319	NGUYỄN TRƯỞNG TƯỜNG	NGHĨA	27-May-05	60141744	6	6 / 7			VỖ THÀNH TRANG	
320	VÒNG NI	THANH	23-Dec-05	60141748	6	6 / 7			VỖ THÀNH TRANG	
321	NGUYỄN HUỲNH MINH	ĐĂNG	08-Dec-05	60141753	6	6 / 8			VỖ THÀNH TRANG	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
322	LÊ TRẦN TI	NA	22-Jun-05	60141750	6	6 / 8			VỖ THÀNH TRANG	
323	NGÔ NHẬT	THANH	22-Dec-05	60141752	6	6 / 8			VỖ THÀNH TRANG	
324	TRẦN THỊ THANH	VÂN	28-Oct-05	60141757	6	6 / 8			VỖ THÀNH TRANG	
325	NGUYỄN THỊ TRÂM	ANH	3-Jan-05	60141761	6	6 / 9			VỖ THÀNH TRANG	
326	ĐẶNG THÙY	DUNG	28-Apr-05	60141758	6	6 / 9			VỖ THÀNH TRANG	
327	BÙI HUY	KHANG	11-Jan-05	60140449	6	6/1			ĐẶNG TRẦN CÔN	
328	VŨ DUY	KHÁNH	17-Sep-05	60140457	6	6/1			ĐẶNG TRẦN CÔN	
329	VŨ PHƯƠNG	MINH	26-Nov-05	60140458	6	6/1			ĐẶNG TRẦN CÔN	
330	TRẦN THỊ THANH	NGÂN	22-Jun-05	60140455	6	6/1			ĐẶNG TRẦN CÔN	
331	HUỲNH LÂM HOÀNG	NGUYỄN	23-Sep-05	60140450	6	6/1			ĐẶNG TRẦN CÔN	
332	NGUYỄN MINH	TRÍ	23-Feb-05	60140451	6	6/1			ĐẶNG TRẦN CÔN	
333	TNGUYỄN THÁI THIÊN	TRÚC	14-Nov-05	60140452	6	6/1			ĐẶNG TRẦN CÔN	
334	VĂN THÔNG	ANTHONY	04-Jan-05	60140676	6	6/1			LÊ ANH XUÂN	
335	PHẠM NGỌC	DUY	16-Mar-05	60140671	6	6/1			LÊ ANH XUÂN	
336	THÁI GIA	HÙNG	29-Jun-05	60140673	6	6/1			LÊ ANH XUÂN	
337	VỖ PHẠM MINH	KHANG	07-Jul-05	60140677	6	6/1			LÊ ANH XUÂN	
338	NGÔ KHẢI	LINH	01-Aug-05	60140661	6	6/1			LÊ ANH XUÂN	
339	NGUYỄN LÊ NGỌC	LINH	06-Nov-05	60140665	6	6/1			LÊ ANH XUÂN	
340	NGUYỄN THỊ MAI	LINH	21-Apr-05	60140669	6	6/1			LÊ ANH XUÂN	
341	NGUYỄN TAM	MINH	23-Sep-05	60140668	6	6/1			LÊ ANH XUÂN	
342	NGUYỄN HOÀNG	NGUYỄN	11-Dec-05	60140663	6	6/1			LÊ ANH XUÂN	
343	NGUYỄN TIÊU THANH	NGUYỆT	06-Nov-05	60140670	6	6/1			LÊ ANH XUÂN	
344	BẠCH THẢO	NHI	12-Dec-05	60140649	6	6/1			LÊ ANH XUÂN	
345	HUỲNH QUỐC	THẮNG	18-May-05	60140656	6	6/1			LÊ ANH XUÂN	
346	HÀ GIA	THỊNH	13-Sep-05	60140654	6	6/1			LÊ ANH XUÂN	
347	BÙI HOÀNG MINH	TRÂM	31-May-05	60140650	6	6/1			LÊ ANH XUÂN	
348	LÊ KHÁNH	TRÂN	22-Apr-05	60140657	6	6/1			LÊ ANH XUÂN	
349	LÊ TRẦN NGỌC	TRANG	15-Oct-05	60140660	6	6/1			LÊ ANH XUÂN	
350	ĐỖ MINH	TRÍ	24-Feb-05	60140652	6	6/1			LÊ ANH XUÂN	
351	NGUYỄN ĐẶNG MINH	TRƯỜNG	08-May-05	60140662	6	6/1			LÊ ANH XUÂN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
352	NGUYỄN PHƯƠNG	UYÊN	31-Aug-05	60140667	6	6/1			LÊ ANH XUÂN	
353	PHẠM NHẠC TÚ	UYÊN	03-Apr-05	60140672	6	6/1			LÊ ANH XUÂN	
354	NGUYỄN GIA	BẢO	02-Dec-05	60140944	6	6/1			NGUYỄN HUỆ	
355	NGUYỄN CHÂU ANH	VỸ	09-Nov-05	60140943	6	6/1			NGUYỄN HUỆ	
356	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	23-May-05	60141384	6	6/1			THCS HÙNG VƯƠNG	
357	TRẦN TRÚC	QUỲNH	15-Aug-05	60141386	6	6/1			THCS HÙNG VƯƠNG	
358	VY QUỐC	THẮNG	03-Jan-05	60141387	6	6/1			THCS HÙNG VƯƠNG	
359	NGUYỄN HOÀNG LINH	ÂN	20-Jan-05	60141458	6	6/1			THOẠI NGỌC HẦU	
360	ĐẶNG NGỌC VÂN	ANH	22-Sep-05	60141454	6	6/1			THOẠI NGỌC HẦU	
361	THI QUANG	HÙNG	18-Oct-05	60141464	6	6/1			THOẠI NGỌC HẦU	
362	ĐINH LƯƠNG QUỲNH	NHU	16-Nov-05	60141455	6	6/1			THOẠI NGỌC HẦU	
363	HUỲNH NGUYỄN BẢO	TRÂN	11-Mar-05	60141456	6	6/1			THOẠI NGỌC HẦU	
364	LƯƠNG BẢO	TRÂN	19-Feb-05	60141457	6	6/1			THOẠI NGỌC HẦU	
365	NGUYỄN MINH	TRÍ	14-May-05	60141461	6	6/1			THOẠI NGỌC HẦU	
366	TRỊNH ĐÌNH	TRỌNG	21-Aug-05	60141467	6	6/1			THOẠI NGỌC HẦU	
367	NGUYỄN HOÀNG NHẬT	ANH	28-Jul-05	60141164	6	6/1			TRẦN QUANG KHẢI	
368	PHẠM VĂN	BẢO	30-Aug-05	60141168	6	6/1			TRẦN QUANG KHẢI	
369	LÊ HỒNG	KHANH	03-Aug-05	60141158	6	6/1			TRẦN QUANG KHẢI	
370	NGUYỄN TẤN HUY	KHÔI	11-Jan-05	60141167	6	6/1			TRẦN QUANG KHẢI	
371	ĐÀM LÊ NGỌC	LAN	01-Jul-05	60141241	6	6/1			TRẦN QUANG KHẢI	
372	LÊ THẢO	NGUYỄN	19-Jul-05	60141159	6	6/1			TRẦN QUANG KHẢI	
373	NGUYỄN HỮU	QUYẾN	11-Jun-05	60141165	6	6/1			TRẦN QUANG KHẢI	
374	TRẦN ĐỨC	THÀNH	09-Sep-05	60141170	6	6/1			TRẦN QUANG KHẢI	
375	BÙI SỸ	TRUNG	01-Jul-05	60141155	6	6/1			TRẦN QUANG KHẢI	
376	HUỲNH GIA	BẢO	29-Mar-05	60141594	6	6/1			TRƯỜNG TH-THCS HỒNG NGỌC	
377	VÕ PHAN KHÁNH	ĐẠT	27-Oct-05	60141603	6	6/1			TRƯỜNG TH-THCS HỒNG NGỌC	
378	LÊ TRIỀU	DƯƠNG	14-Feb-05	60141597	6	6/1			TRƯỜNG TH-THCS HỒNG NGỌC	
379	TRẦN ĐỖ AN	HÙNG	23-Mar-05	60141601	6	6/1			TRƯỜNG TH-THCS HỒNG NGỌC	
380	NGUYỄN PHÚC	KHANG	08-Oct-05	60141599	6	6/1			TRƯỜNG TH-THCS HỒNG NGỌC	
381	ĐINH KHÁNH	MY	19-Jul-05	60141593	6	6/1			TRƯỜNG TH-THCS HỒNG NGỌC	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
382	LÊ NGỌC KHÁNH	NGHI	03-Mar-05	60141596	6	6/1			TRƯỜNG TH-THCS HỒNG NGỌC	
383	HUỖNH TUẤN	NGỌC	29-Jul-05	60141595	6	6/1			TRƯỜNG TH-THCS HỒNG NGỌC	
384	TRÁC QUAN TRUNG	TRINH	04-Mar-05	60141600	6	6/1			TRƯỜNG TH-THCS HỒNG NGỌC	
385	NGUYỄN GIA	BẢO	29-Jun-05	60141765	6	6/1			VỖ THÀNH TRANG	
386	KHA PHẠM QUANG	DUY	8-Jul-05	60141764	6	6/1			VỖ THÀNH TRANG	
387	TRẦN HOÀNG	LAN	12-Jan-05	60141769	6	6/1			VỖ THÀNH TRANG	
388	TRẦN XUÂN KHÔI	NGUYỄN	14-Apr-05	60141771	6	6/1			VỖ THÀNH TRANG	
389	VỖ THIÊN	NHÂN	07-Feb-05	60140463	6	6/10			ĐẶNG TRẦN CÔN	
390	NGUYỄN VỖ NGUYỄN	PHƯƠNG	21-Apr-05	60140461	6	6/10			ĐẶNG TRẦN CÔN	
391	TRẦN ĐỨC	THỊNH	27-Feb-05	60140462	6	6/10			ĐẶNG TRẦN CÔN	
392	NGUYỄN MINH	THU'	01-Jan-05	60140460	6	6/10			ĐẶNG TRẦN CÔN	
393	NGUYỄN HUY	HOÀNG	02-Jul-05	60141243	6	6/10			NGUYỄN HUỆ	
394	TẶNG HOÀI	THƯỜNG	20-Nov-05	60141245	6	6/10			NGUYỄN HUỆ	
395	NGUYỄN LÊ DUY	CƯỜNG	10-Jan-05	60140684	6	6/11			LÊ ANH XUÂN	
396	NGUYỄN ĐỨC	DŨNG	11-Apr-05	60140683	6	6/11			LÊ ANH XUÂN	
397	DƯƠNG NGUYỄN KHÁNH	LINH	13-Jul-05	60140681	6	6/11			LÊ ANH XUÂN	
398	HUỖNH THỊ THÚY	PHƯƠNG	23-May-05	60140682	6	6/11			LÊ ANH XUÂN	
399	NGÔ THANH	HUYỀN	16-Mar-05	60141248	6	6/11			NGUYỄN HUỆ	
400	NGUYỄN GIA	HY	21-Dec-05	60141249	6	6/11			NGUYỄN HUỆ	
401	TRẦN VŨ ANH	THY	08-Aug-05	60141255	6	6/11			NGUYỄN HUỆ	
402	NGUYỄN NGỌC YẾN	LINH	22-Feb-05	60140694	6	6/12			LÊ ANH XUÂN	
403	LIU NGOC ANH	THU'	09-Aug-05	60140692	6	6/12			LÊ ANH XUÂN	
404	NGUYỄN HÙNG	TIỀN	27-Jun-05	60140693	6	6/12			LÊ ANH XUÂN	
405	TRẦN THÀNH	TRI	02-Oct-05	60140695	6	6/12			LÊ ANH XUÂN	
406	HUỖNH THỊ TUYẾT	TRINH	29-Jan-05	60140690	6	6/12			LÊ ANH XUÂN	
407	DIỆP	TUẤN	15-May-05	60140688	6	6/12			LÊ ANH XUÂN	
408	TRẦN VŨ QUỲNH	ANH	15-Apr-05	60141259	6	6/12			NGUYỄN HUỆ	
409	HỒ THỊ DIỆU	LINH	01-Jun-05	60141257	6	6/12			NGUYỄN HUỆ	
410	ĐỖ NGỌC BẢO	TRÂN	01-Feb-05	60141256	6	6/12			NGUYỄN HUỆ	
411	HUỖNH THỊ QUỲNH	ANH	06-Jul-05	60140167	6	6/13			LÊ ANH XUÂN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
412	TRẦN HOÀNG	ANH	13-Jan-05	60140176	6	6/13			LÊ ANH XUÂN	
413	PHAN HUỲNH NGỌC	CHÂU	23-Feb-05	60140173	6	6/13			LÊ ANH XUÂN	
414	TRANG DIỆP TÚ	LINH	21-Jul-05	60140178	6	6/13			LÊ ANH XUÂN	
415	THÁI NGỌC YẾN	NHI	15-Aug-05	60140175	6	6/13			LÊ ANH XUÂN	
416	TẶNG KIỀU	PHƯỜNG	26-Sep-05	60140174	6	6/13			LÊ ANH XUÂN	
417	NGUYỄN TÂM	QUANG	08-Feb-05	60140170	6	6/13			LÊ ANH XUÂN	
418	LIÊU NGUYỄN ANH	THƯ	23-Aug-05	60140168	6	6/13			LÊ ANH XUÂN	
419	PHẠM THỊ PHƯƠNG	UYÊN	15-Jul-05	60140172	6	6/13			LÊ ANH XUÂN	
420	PHẠM TRẦN THÙY	TRANG	22-Apr-05	60141261	6	6/13			NGUYỄN HUỆ	
421	VÕ HOÀI	AN	24-Mar-05	60141025	6	6/13			THCS LÊ LỢI	
422	NGUYỄN NGỌC DUY	THỨC	01-Jan-05	60141024	6	6/13			THCS LÊ LỢI	
423	LÊ NGỌC KIM	NGÂN	06-Aug-05	60140180	6	6/14			LÊ ANH XUÂN	
424	LÊ TUẤN	NGUYỄN	01-Oct-05	60140181	6	6/14			LÊ ANH XUÂN	
425	HUỲNH GIA	BẢO	16-Oct-05	60141264	6	6/14			NGUYỄN HUỆ	
426	NGUYỄN NGỌC BẢO	CHÂU	29-Oct-05	60141267	6	6/14			NGUYỄN HUỆ	
427	PHẠM NGUYỄN HỒNG	HUYỀN	05-May-05	60141271	6	6/14			NGUYỄN HUỆ	
428	NGUYỄN LÊ GIA	KHÁNH	10-Apr-05	60141266	6	6/14			NGUYỄN HUỆ	
429	VŨ THỊ MAI	LINH	16-Nov-05	60141272	6	6/14			NGUYỄN HUỆ	
430	NGUYỄN KHÁNH	NGỌC	06-Aug-05	60141265	6	6/14			NGUYỄN HUỆ	
431	NGUYỄN NGỌC THÙY	TRANG	13-Sep-05	60141268	6	6/14			NGUYỄN HUỆ	
432	TRỊNH QUỐC	BẢO	20-Mar-05	60141031	6	6/14			THCS LÊ LỢI	
433	LÊ HOÀNG THẢO	NHI	23-Oct-05	60141028	6	6/14			THCS LÊ LỢI	
434	NGUYỄN ĐỨC	THỊNH	28-Jun-05	60141029	6	6/14			THCS LÊ LỢI	
435	BÙI HỮU	TÍN	16-Oct-05	60141026	6	6/14			THCS LÊ LỢI	
436	MINH	ANH	10-Apr-05	60140466	6	6/2			ĐẶNG TRẦN CÔN	
437	NGUYỄN THÚY	ANH	08-Aug-05	60140470	6	6/2			ĐẶNG TRẦN CÔN	
438	HUỲNH NGỌC TRÀ	MY	14-Nov-05	60140464	6	6/2			ĐẶNG TRẦN CÔN	
439	LÊ PHƯỚC KHÔI	NGUYỄN	10-May-05	60140465	6	6/2			ĐẶNG TRẦN CÔN	
440	TRƯƠNG ĐÌNH	PHÁT	17-Mar-05	60140472	6	6/2			ĐẶNG TRẦN CÔN	
441	TRẦN NGỌC MINH	TÚ	19-Apr-05	60140471	6	6/2			ĐẶNG TRẦN CÔN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
442	CHU NGUYỄN THẢO	ANH	27-May-05	60140698	6	6/2			LÊ ANH XUÂN	
443	NGUYỄN MAI	ANH	21-Oct-05	60140717	6	6/2			LÊ ANH XUÂN	
444	PHẠM VÂN	ANH	30-Aug-05	60140722	6	6/2			LÊ ANH XUÂN	
445	HỒ NGỌC	HÂN	07-Sep-05	60140702	6	6/2			LÊ ANH XUÂN	
446	NGUYỄN LÊ BẢO	HÂN	23-Oct-05	60140716	6	6/2			LÊ ANH XUÂN	
447	ĐẶNG HẢI	HOÀNG	04-Mar-05	60140700	6	6/2			LÊ ANH XUÂN	
448	HUỖNH NGUYỄN ĐÌNH	KHOA	07-Feb-05	60140708	6	6/2			LÊ ANH XUÂN	
449	LÊ ĐĂNG	KHOA	28-Apr-05	60140710	6	6/2			LÊ ANH XUÂN	
450	LÊ TẤN	KIỆT	19-Sep-05	60140713	6	6/2			LÊ ANH XUÂN	
451	LÊ NGUYỄN KHÁNH	LINH	14-Oct-05	60140711	6	6/2			LÊ ANH XUÂN	
452	HUỖNH TRẦN HẢI	NAM	19-Oct-05	60140709	6	6/2			LÊ ANH XUÂN	
453	HỨA ĐOÀN KIM	NGÂN	28-Feb-05	60140705	6	6/2			LÊ ANH XUÂN	
454	PHẠM ĐÌNH PHƯƠNG	NGHI	05-Mar-05	60140719	6	6/2			LÊ ANH XUÂN	
455	CHUNG NGỌC BẢO	NGUYỄN	12-Aug-05	60140699	6	6/2			LÊ ANH XUÂN	
456	VÕ THANH	PHÁT	25-May-05	60140726	6	6/2			LÊ ANH XUÂN	
457	HUỖNH MAI ANH	THI	03-Jan-05	60140706	6	6/2			LÊ ANH XUÂN	
458	NGÔ MINH	THUẬN	10-Nov-05	60140714	6	6/2			LÊ ANH XUÂN	
459	ĐỖ MINH	TRÚC	14-May-05	60140701	6	6/2			LÊ ANH XUÂN	
460	TRẦN LÊ TRUNG	DU	04-Jun-05	60140973	6	6/2			NGUYỄN HUỆ	
461	HOÀNG THỦY	LINH	20-Feb-05	60140953	6	6/2			NGUYỄN HUỆ	
462	NGUYỄN XUÂN	MAI	01-Nov-05	60140967	6	6/2			NGUYỄN HUỆ	
463	HỒ VĂN	MẠNH	23-Dec-05	60140951	6	6/2			NGUYỄN HUỆ	
464	NGUYỄN HẢI	MINH	07-Dec-05	60140961	6	6/2			NGUYỄN HUỆ	
465	LƯƠNG THANH	NGHI	26-Nov-05	60140957	6	6/2			NGUYỄN HUỆ	
466	LÊ PHAN VĂN	NGHĨA	15-Jan-05	60140956	6	6/2			NGUYỄN HUỆ	
467	HOÀNG HỮU	NHÂN	10-May-05	60140952	6	6/2			NGUYỄN HUỆ	
468	TRẦN LÊ PHƯƠNG	THÙY	11-May-05	60140972	6	6/2			NGUYỄN HUỆ	
469	ĐỖ THỊ YẾN	VI	21-Apr-05	60140949	6	6/2			NGUYỄN HUỆ	
470	LÝ THỊ HỒNG	NGỌC	08-May-05	60141390	6	6/2			THCS HÙNG VƯƠNG	
471	NGUYỄN LÊ CÔNG	PHÁT	07-Oct-05	60141391	6	6/2			THCS HÙNG VƯƠNG	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
472	HUỖNH QUỐC	ĐẠT	01-Jun-05	60141471	6	6/2			THOẠI NGỌC HẦU	
473	NGUYỄN ĐỖ GIA	HÂN	11-Jan-05	60141474	6	6/2			THOẠI NGỌC HẦU	
474	LÊ QUỐC	HÙNG	20-Nov-05	60141473	6	6/2			THOẠI NGỌC HẦU	
475	KHUẤT MINH	TẤN	21-Sep-05	60141472	6	6/2			THOẠI NGỌC HẦU	
476	NGUYỄN HOÀNG THẢO	VY	06-Nov-05	60141476	6	6/2			THOẠI NGỌC HẦU	
477	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	LINH	18-Feb-05	60141196	6	6/2			TRẦN QUANG KHẢI	
478	THANH AN	AN	26-Aug-05	60140479	6	6/3			ĐẶNG TRẦN CÔN	
479	NGUTE6N4 BÍCH	CHÂU	11-Feb-05	60140475	6	6/3			ĐẶNG TRẦN CÔN	
480	NGUYỄN NHẬT KỶ	ANH	19-Oct-05	60140735	6	6/3			LÊ ANH XUÂN	
481	PHẠM QUỲNH	ANH	25-May-05	60140739	6	6/3			LÊ ANH XUÂN	
482	LÊ VÕ KỶ	DUYÊN	01-Jan-05	60140733	6	6/3			LÊ ANH XUÂN	
483	TRẦN MÃ ĐẠI	HẢI	05-May-05	60140741	6	6/3			LÊ ANH XUÂN	
484	TRỊNH BẢO	HÂN	04-Jul-05	60140744	6	6/3			LÊ ANH XUÂN	
485	ĐẶNG MINH	HUY	20-Jun-05	60140729	6	6/3			LÊ ANH XUÂN	
486	ĐÀM HUY	KHANG	03-Nov-05	60140728	6	6/3			LÊ ANH XUÂN	
487	TRẦN ĐỨC NGUYỄN	LỘC	01-Jan-05	60140740	6	6/3			LÊ ANH XUÂN	
488	TRƯƠNG BẢO	NGỌC	23-Nov-05	60140746	6	6/3			LÊ ANH XUÂN	
489	NGUYỄN THANH	TÂN	24-Mar-05	60140737	6	6/3			LÊ ANH XUÂN	
490	TRẦN THỊ PHƯƠNG	THẢO	29-Oct-05	60140743	6	6/3			LÊ ANH XUÂN	
491	TRỊNH THỊ MINH	THƯ	01-Apr-05	60140745	6	6/3			LÊ ANH XUÂN	
492	LÊ THÀNH	TRUNG	28-Apr-05	60140732	6	6/3			LÊ ANH XUÂN	
493	BẠCH NGUYỄN NGỌC	UYÊN	19-Oct-05	60140727	6	6/3			LÊ ANH XUÂN	
494	LÊ NGUYỄN NHẢ	UYÊN	04-Apr-05	60140731	6	6/3			LÊ ANH XUÂN	
495	TRẦN THÀNH	VINH	22-Dec-05	60140742	6	6/3			LÊ ANH XUÂN	
496	TRẦN TIỄN BẢO	ANH	24-Jun-05	60140990	6	6/3			NGUYỄN HUỆ	
497	NGUYỄN GIA	BẢO	01-Aug-05	60140987	6	6/3			NGUYỄN HUỆ	
498	PHẠM GIA	HIỀN	05-Apr-05	60140988	6	6/3			NGUYỄN HUỆ	
499	PHAN QUỲNH ÁI	LINH	19-Jul-05	60140989	6	6/3			NGUYỄN HUỆ	
500	NGUYỄN CÔNG	PHÚC	31-Jul-05	60140986	6	6/3			NGUYỄN HUỆ	
501	HUỖNH THỊ YẾN	NHI	28-Mar-05	60140484	6	6/4			ĐẶNG TRẦN CÔN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
502	NGUYỄN THANH	PHONG	06-Oct-05	60140487	6	6/4			ĐẶNG TRẦN CÔN	
503	PHẠM NGÔ QUỲNH	ANH	20-Jan-05	60140756	6	6/4			LÊ ANH XUÂN	
504	TRẦN NHẬT MINH	ANH	03-Nov-05	60140758	6	6/4			LÊ ANH XUÂN	
505	THÂN ĐỨC HẢI	ĐĂNG	15-Dec-05	60140757	6	6/4			LÊ ANH XUÂN	
506	LÊ NGỌC THỤC	ĐOAN	24-Nov-05	60140749	6	6/4			LÊ ANH XUÂN	
507	TRẦN THỊ MINH	HIẾU	27-Feb-05	60140759	6	6/4			LÊ ANH XUÂN	
508	BÙI BẢO	NHU'	06-May-05	60140747	6	6/4			LÊ ANH XUÂN	
509	NGUYỄN THANH MINH	PHÚC	15-Apr-05	60140753	6	6/4			LÊ ANH XUÂN	
510	NGUYỄN NGỌC ANH	THƯ'	13-Dec-05	60140751	6	6/4			LÊ ANH XUÂN	
511	MAI DIỆP XUÂN	THY	06-Jan-05	60140750	6	6/4			LÊ ANH XUÂN	
512	NGUYỄN QUỐC	TUẤN	14-Aug-05	60140752	6	6/4			LÊ ANH XUÂN	
513	PHẠM ANH	TUẤN	29-Nov-05	60140754	6	6/4			LÊ ANH XUÂN	
514	PHAN ĐÌNH	PHÚ	17-Mar-05	60140994	6	6/4			NGUYỄN HUỆ	
515	NGUYỄN THẾ	ANH	16-Jan-05	60140494	6	6/5			ĐẶNG TRẦN CÔN	
516	LÊ NGỌC HƯƠNG	GIANG	14-Jan-05	60140489	6	6/5			ĐẶNG TRẦN CÔN	
517	TẠ DUY	KHÔI	18-Nov-05	60140497	6	6/5			ĐẶNG TRẦN CÔN	
518	NGUYỄN CÔNG VIỆT	THÀNH	16-Oct-05	60140491	6	6/5			ĐẶNG TRẦN CÔN	
519	NGUYỄN NGỌC	THIỆN	26-Jun-05	60140492	6	6/5			ĐẶNG TRẦN CÔN	
520	LÊ NGUYỄN BẢO	CHÂU	27-Oct-05	60140187	6	6/5			LÊ ANH XUÂN	
521	BÙI VŨ DIỄM	HẢO	26-Jul-05	60140184	6	6/5			LÊ ANH XUÂN	
522	TÔN BẢO	NGỌC	28-May-05	60140197	6	6/5			LÊ ANH XUÂN	
523	TRẦN NGUYỄN YẾN	NHI	18-Mar-05	60140198	6	6/5			LÊ ANH XUÂN	
524	TRƯƠNG TẤN	PHÚ	28-Jan-05	60140199	6	6/5			LÊ ANH XUÂN	
525	NGUYỄN THIỆN	PHÚC	15-Sep-05	60140195	6	6/5			LÊ ANH XUÂN	
526	NGUYỄN MỸ	PHƯƠNG	27-Apr-05	60140191	6	6/5			LÊ ANH XUÂN	
527	HỒ NGUYỄN XUÂN	QUỲNH	06-Aug-05	60140186	6	6/5			LÊ ANH XUÂN	
528	NGÔ BỘI	SANG	13-Sep-05	60140190	6	6/5			LÊ ANH XUÂN	
529	BÙI MINH	TÂM	07-Oct-05	60140183	6	6/5			LÊ ANH XUÂN	
530	LƯU NGUYỄN XUÂN	THIỆN	02-Apr-05	60140188	6	6/5			LÊ ANH XUÂN	
531	NỖ HUỲNH THANH	TRÂM	16-Apr-05	60140196	6	6/5			LÊ ANH XUÂN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
532	NGUYỄN CAO	MINH	05-Apr-05	60140996	6	6/5			NGUYỄN HUỆ	
533	LƯƠNG NGỌC BẢO	NGHI	06-Jun-05	60141273	6	6/5			NGUYỄN HUỆ	
534	VÕ DUY	PHƯƠNG	06-Oct-05	60141275	6	6/5			NGUYỄN HUỆ	
535	NGUYỄN PHAN BẢO	UYÊN	03-May-05	60141274	6	6/5			NGUYỄN HUỆ	
536	HÀ NGỌC	HÂN	30-Nov-05	60141393	6	6/5			THCS HÙNG VƯƠNG	
537	NGUYỄN ĐỨC	HIẾU	03-Dec-05	60141394	6	6/5			THCS HÙNG VƯƠNG	
538	TRẦN DƯƠNG MINH	HUY	08-Aug-05	60141396	6	6/5			THCS HÙNG VƯƠNG	
539	NGUYỄN HOÀNG XUÂN	ÂN	27-Aug-05	60140499	6	6/6			ĐẶNG TRẦN CÔN	
540	NGUYỄN THỊ TRÂM	ANH	19-Jun-05	60140500	6	6/6			ĐẶNG TRẦN CÔN	
541	NGÔ THANH	SON	08-Dec-05	60140498	6	6/6			ĐẶNG TRẦN CÔN	
542	TRẦN HÀ PHÚC	ÂN	27-Jan-05	60140204	6	6/6			LÊ ANH XUÂN	
543	NGUYỄN VIỆT	THÀNH	14-Dec-05	60140203	6	6/6			LÊ ANH XUÂN	
544	NGUYỄN HOÀNG	VINH	02-Mar-05	60140202	6	6/6			LÊ ANH XUÂN	
545	NGUYỄN GIA	LINH	30-Mar-05	60141277	6	6/6			NGUYỄN HUỆ	
546	ĐÀO NGỌC THÚY	HÀNG	07-Sep-05	60141398	6	6/6			THCS HÙNG VƯƠNG	
547	LÊ THỊ ÁNH	HỒNG	01-Jan-05	60140503	6	6/7			ĐẶNG TRẦN CÔN	
548	NGUYỄN TRÚC	MINH	27-Sep-05	60140506	6	6/7			ĐẶNG TRẦN CÔN	
549	VÕ LÊ MINH	QUYỀN	05-Apr-05	60140207	6	6/7			LÊ ANH XUÂN	
550	HỨA THỊ KIM	THẢO	01-Jan-05	60140205	6	6/7			LÊ ANH XUÂN	
551	LÂM PHƯƠNG	ANH	21-Jan-05	60141282	6	6/7			NGUYỄN HUỆ	
552	TRẦN THÀNH	TRUNG	06-Jul-05	60141286	6	6/7			NGUYỄN HUỆ	
553	NGUYỄN PHẠM HOÀI	BẢO	21-Aug-05	60140507	6	6/8			ĐẶNG TRẦN CÔN	
554	NGUYỄN THANH	NGÂN	12-Aug-05	60140212	6	6/8			LÊ ANH XUÂN	
555	NGUYỄN LÊ YẾN	NHI	23-Nov-05	60140211	6	6/8			LÊ ANH XUÂN	
556	TRẦN TIẾN	THỊNH	15-Aug-05	60140215	6	6/8			LÊ ANH XUÂN	
557	TRẦN NGỌC ANH	THƯ	11-Oct-05	60140214	6	6/8			LÊ ANH XUÂN	
558	ĐỖ THỊ QUỲNH	TRANG	20-Jul-05	60140208	6	6/8			LÊ ANH XUÂN	
559	NGUYỄN LAN	ANH	29-May-05	60140516	6	6/9			ĐẶNG TRẦN CÔN	
560	ĐINH NGỌC BẢO	HÂN	24-Mar-05	60140513	6	6/9			ĐẶNG TRẦN CÔN	
561	TÔ TẤN	PHÁT	21-Apr-05	60140518	6	6/9			ĐẶNG TRẦN CÔN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
562	CAO VĂN	QUANG	12-Jun-05	60140512	6	6/9			ĐẶNG TRẦN CÔN	
563	PHẠM THỊ THU	THẢO	04-Jun-05	60140517	6	6/9			ĐẶNG TRẦN CÔN	
564	LÊ THANH	UYÊN	13-May-05	60140515	6	6/9			ĐẶNG TRẦN CÔN	
565	TRƯƠNG NGUYỄN NHƯ	NGỌC	01-May-05	60141292	6	6/9			NGUYỄN HUỆ	
566	NGUYỄN ĐÌNH	QUYÊN	02-Aug-05	60141289	6	6/9			NGUYỄN HUỆ	
567	PHẠM THANH	THẢO	12-Jun-05	60141291	6	6/9			NGUYỄN HUỆ	
568	LÊ NGỌC TƯỜNG	VY	24-Aug-05	60141288	6	6/9			NGUYỄN HUỆ	
569	HUỲNH NGỌC TRÂM	ANH	27-Nov-04	60141174	7	7			TRẦN QUANG KHẢI	
570	HUỲNH NGUYỄN NGỌC	NHI	04-Oct-04	60141772	7	7 / 1			VỖ THÀNH TRANG	
571	LƯƠNG VŨ KHÁNH	NHI	11-Jun-04	60141788	7	7 / 14			VỖ THÀNH TRANG	
572	PHẠM KHÁNH	HUYỀN	28-Jun-04	60141795	7	7 / 15			VỖ THÀNH TRANG	
573	NGUYỄN HUUỲNH	PHÚC	10-Feb-04	60141793	7	7 / 15			VỖ THÀNH TRANG	
574	HUỲNH THỊ KIM	THỦY	27-Aug-04	60141790	7	7 / 15			VỖ THÀNH TRANG	
575	VỖ NGUYỄN THANH	TÙNG	12-Feb-04	60141794	7	7 / 15			VỖ THÀNH TRANG	
576	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	15-Jun-04	60141804	7	7 / 16			VỖ THÀNH TRANG	
577	LÝ THIÊN	HỒNG	02-Sep-04	60141800	7	7 / 16			VỖ THÀNH TRANG	
578	NGUYỄN NGỌC	TRÂM	01-Oct-04	60141801	7	7 / 16			VỖ THÀNH TRANG	
579	VĂN MỸ	TRÂN	13-Oct-04	60141810	7	7 / 16			VỖ THÀNH TRANG	
580	SÚ QANG	TUẤN	25-May-04	60141805	7	7 / 16			VỖ THÀNH TRANG	
581	HỒ TRẦN PHƯƠNG	UYÊN	14-Aug-04	60141798	7	7 / 16			VỖ THÀNH TRANG	
582	LÊ THẢO	VÂN	03-Jan-04	60141799	7	7 / 16			VỖ THÀNH TRANG	
583	NGÔ NGUYỄN THANH	BÌNH	17-Sep-04	60141816	7	7 / 17			VỖ THÀNH TRANG	
584	LÂM HOÀNG	MY	24-Jan-04	60141813	7	7 / 17			VỖ THÀNH TRANG	
585	NGUYỄN VỌNG PHÚC	NGUYÊN	07-May-04	60141820	7	7 / 17			VỖ THÀNH TRANG	
586	ĐẶNG THỊ THU	TRÂM	29-Oct-04	60141811	7	7 / 17			VỖ THÀNH TRANG	
587	NGUYỄN ĐỨC	TRỌNG	08-Aug-04	60141818	7	7 / 17			VỖ THÀNH TRANG	
588	ĐÌNH GIA	TUỆ	02-Jun-04	60141812	7	7 / 17			VỖ THÀNH TRANG	
589	NGUYỄN CAM DĨNH	TUỆ	20-Jun-04	60141817	7	7 / 17			VỖ THÀNH TRANG	
590	MAI THANH PHI	YẾN	05-Jun-04	60141815	7	7 / 17			VỖ THÀNH TRANG	
591	VỖ NGUYỄN LAN	ANH	10-Oct-04	60141835	7	7 / 18			VỖ THÀNH TRANG	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
592	CÁI PHẠM BÍCH	CHI	30-Jan-04	60141822	7	7 / 18			VỖ THÀNH TRANG	
593	TRẦN MẠNH	CUÔNG	29-Apr-04	60141833	7	7 / 18			VỖ THÀNH TRANG	
594	NGUYỄN PHẠM HỮU	KHANH	30-Jul-04	60141829	7	7 / 18			VỖ THÀNH TRANG	
595	HUỖNH MINH	PHƯỚC	14-Jul-04	60141824	7	7 / 18			VỖ THÀNH TRANG	
596	PHẠM QUỐC	THỊNH	18-Jan-04	60141832	7	7 / 18			VỖ THÀNH TRANG	
597	NGUYỄN HOÀNG	VƯƠNG	20-Jun-04	60141827	7	7 / 18			VỖ THÀNH TRANG	
598	NGÔ NGUYỄN THAÀNH	ĐẠT	24-Dec-04	60141838	7	7 / 19			VỖ THÀNH TRANG	
599	NGUYỄN BẢO	NGỌC	18-Apr-04	60141839	7	7 / 19			VỖ THÀNH TRANG	
600	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	03-Mar-04	60141840	7	7 / 19			VỖ THÀNH TRANG	
601	LÊ TƯỜNG	VY	13-Mar-04	60141837	7	7 / 19			VỖ THÀNH TRANG	
602	ĐINH HUỖNH MINH	KHUÊ	18-Nov-04	60141845	7	7 / 20			VỖ THÀNH TRANG	
603	HỒ HOÀNG NGỌC	DIỄM	15-Apr-04	60141858	7	7 / 5			VỖ THÀNH TRANG	
604	TRẦN HIẾU	LONG	26-Sep-04	60141862	7	7 / 5			VỖ THÀNH TRANG	
605	LÊ MAI	TRINH	18-Dec-04	60141859	7	7 / 5			VỖ THÀNH TRANG	
606	ĐẶNG PHƯƠNG THẢO	LINH	20-Nov-04	60141871	7	7 / 7			VỖ THÀNH TRANG	
607	LÝ GIA	NGÂN	24-Nov-04	60141876	7	7 / 7			VỖ THÀNH TRANG	
608	LÝ GIA	NGHI	24-Nov-04	60141875	7	7 / 7			VỖ THÀNH TRANG	
609	PHAN TRẦN BẢO	NGỌC	11-Feb-04	60141882	7	7 / 7			VỖ THÀNH TRANG	
610	PHẠM NGUYỄN XUÂN	NHIÊN	12-Oct-04	60141881	7	7 / 7			VỖ THÀNH TRANG	
611	NGUYỄN ĐĂNG MINH	PHÚC	08-Apr-04	60141877	7	7 / 7			VỖ THÀNH TRANG	
612	VỖ TRƯỜNG	PHÚC	04-Jun-04	60141884	7	7 / 7			VỖ THÀNH TRANG	
613	LÊ BẢO	TRÂN	21-Mar-04	60141873	7	7 / 7			VỖ THÀNH TRANG	
614	LÊ NGUYỄN	VŨ	11-Jun-04	60141874	7	7 / 7			VỖ THÀNH TRANG	
615	PHẠM HOÀNG	VY	24-Aug-04	60141879	7	7 / 7			VỖ THÀNH TRANG	
616	ĐẶNG HOÀNG	AN	04-Oct-04	60140216	7	7.1'			LÊ ANH XUÂN	
617	NGUYỄN ĐÌNH	BẢO	11-Nov-04	60140225	7	7.1'			LÊ ANH XUÂN	
618	LƯƠNG NGUYỄN NGỌC	DIỆU	08-May-04	60140222	7	7.1'			LÊ ANH XUÂN	
619	HÀNH NGUYỄN GIA	HÂN	27-May-04	60140761	7	7.1'			LÊ ANH XUÂN	
620	ĐOÀN THẢO	LINH	20-Aug-04	60140217	7	7.1'			LÊ ANH XUÂN	
621	HÀ NHẬT	MINH	14-Nov-04	60140218	7	7.1'			LÊ ANH XUÂN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
622	LU NHÂN	QUANG	03-Apr-04	60140765	7	7.1'			LÊ ANH XUÂN	
623	NGUYỄN HUỠNH KIỀU	VY	20-Oct-04	60140769	7	7.1'			LÊ ANH XUÂN	
624	TRƯƠNG NGUYỄN THIÊN	ANH	18-Feb-04	60140800	7	7.6'			LÊ ANH XUÂN	
625	LÊ THỊ MỸ	DUYÊN	23-Jun-04	60140780	7	7.6'			LÊ ANH XUÂN	
626	TRẦN GIA	HÂN	15-Dec-04	60140792	7	7.6'			LÊ ANH XUÂN	
627	HOÀNG HẢI	ĐĂNG	19-Apr-04	60141295	7	7/1			NGUYỄN HUỆ	
628	NGUYỄN TRẦN HIẾU	HẠNH	26-Nov-04	60141301	7	7/1			NGUYỄN HUỆ	
629	LÊ HÀ	MY	11-May-04	60141297	7	7/1			NGUYỄN HUỆ	
630	NGUYỄN HUỠNH KHÁNH	NGỌC	07-May-04	60141300	7	7/1			NGUYỄN HUỆ	
631	HÀNG THY	NHÃ	24-Mar-04	60141294	7	7/1			NGUYỄN HUỆ	
632	TRẦN NGỌC KHÁNH	NHƯ	12-Feb-04	60141306	7	7/1			NGUYỄN HUỆ	
633	LÂM HỒNG GIA	PHÚC	17-Sep-04	60141296	7	7/1			NGUYỄN HUỆ	
634	LÊ TRẦN GIA	PHÚC	16-Apr-04	60141299	7	7/1			NGUYỄN HUỆ	
635	PHẠM QUỐC	VĨ	14-Jul-04	60141304	7	7/1			NGUYỄN HUỆ	
636	NGUYỄN TRƯỜNG	VY	30-Aug-04	60141302	7	7/1			NGUYỄN HUỆ	
637	LÂM GIA	MỸ	29-Mar-04	60140997	7	7/1			TÂN THỜI HÒA	
638	LÊ ĐÌNH VIỆT	KHOA	08-Dec-04	60141402	7	7/1			THCS HÙNG VƯƠNG	
639	TÔ NGỌC HỒNG	ÂN	06-Aug-04	60141180	7	7/1			TRẦN QUANG KHẢI	
640	NGUYỄN TRẦN BẢO	HÂN	01-Dec-04	60141178	7	7/1			TRẦN QUANG KHẢI	
641	PHẠM CHU CHÍ	KHANG	06-Jan-04	60141179	7	7/1			TRẦN QUANG KHẢI	
642	LÊ VĂN	NIÊM	17-Mar-04	60141177	7	7/1			TRẦN QUANG KHẢI	
643	TRƯƠNG GIA	PHÚ	13-Mar-04	60141181	7	7/1			TRẦN QUANG KHẢI	
644	LÊ MỸ ANH	THƯ	16-Mar-04	60141176	7	7/1			TRẦN QUANG KHẢI	
645	LIÊNG CHÍ	CƯỜNG	27-Apr-04	60141607	7	7/1			TRƯỜNG TH-THCS HỒNG NGỌC	
646	MAI LÊ BẢO	KHANG	10-Sep-04	60141609	7	7/1			TRƯỜNG TH-THCS HỒNG NGỌC	
647	LÊ ĐĂNG	KHOA	25-Jul-04	60141605	7	7/1			TRƯỜNG TH-THCS HỒNG NGỌC	
648	NGUYỄN NAM	KIỆT	30-May-04	60141612	7	7/1			TRƯỜNG TH-THCS HỒNG NGỌC	
649	TẠ CÔNG	MINH	17-Jul-04	60141615	7	7/1			TRƯỜNG TH-THCS HỒNG NGỌC	
650	NGUYỄN BÁCH	NGHỊ	20-Jan-04	60141610	7	7/1			TRƯỜNG TH-THCS HỒNG NGỌC	
651	NGUYỄN HUỠNH MINH	NGHỊ	18-Jun-04	60141611	7	7/1			TRƯỜNG TH-THCS HỒNG NGỌC	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
652	LÝ NHƯ	NGỌC	07-Feb-04	60141608	7	7/1			TRƯỜNG TH-THCS HỒNG NGỌC	
653	LÊ ĐĂNG	THI	25-Jul-04	60141606	7	7/1			TRƯỜNG TH-THCS HỒNG NGỌC	
654	TRẦN ĐĂNG	TRÌNH	15-Dec-04	60141616	7	7/1			TRƯỜNG TH-THCS HỒNG NGỌC	
655	BÙI KHÁNH	DUY	02-Jul-04	60140519	7	7/10			ĐẶNG TRẦN CÔN	
656	NGUYỄN MINH	LUẬN	29-Mar-04	60140522	7	7/10			ĐẶNG TRẦN CÔN	
657	LÊ ĐÌNH TẤN	PHÁT	22-Jul-04	60140520	7	7/10			ĐẶNG TRẦN CÔN	
658	LÊ VŨ ĐĂNG	TRÌNH	13-Jun-04	60140521	7	7/10			ĐẶNG TRẦN CÔN	
659	NGUYỄN TRẦN GIA	UYÊN	07-Sep-04	60140523	7	7/10			ĐẶNG TRẦN CÔN	
660	NGUYỄN TRUNG	KHANG	27-Aug-04	60140532	7	7/11			ĐẶNG TRẦN CÔN	
661	NGUYỄN TRẦN XUÂN	MAI	10-Jan-04	60140531	7	7/11			ĐẶNG TRẦN CÔN	
662	VŨ NGỌC TÂM	NHI	30-Oct-04	60140536	7	7/11			ĐẶNG TRẦN CÔN	
663	MẠNH THỊ TRÚC	UYÊN	16-Dec-04	60140530	7	7/11			ĐẶNG TRẦN CÔN	
664	TRƯƠNG THỊ TỎ	UYÊN	02-Jul-04	60140534	7	7/11			ĐẶNG TRẦN CÔN	
665	NGUYỄN VÂN	ANH	15-Dec-04	60141034	7	7/11			THCS LÊ LỢI	
666	THẠCH GIA	BẢO	25-Jun-04	60141036	7	7/11			THCS LÊ LỢI	
667	TRẦN DUY	KHANG	23-Feb-04	60141038	7	7/11			THCS LÊ LỢI	
668	NGUYỄN VIỆT ĐĂNG	KHOA	12-May-04	60141035	7	7/11			THCS LÊ LỢI	
669	TRẦN CHÍ	LUẬN	26-Mar-04	60141037	7	7/11			THCS LÊ LỢI	
670	LƯƠNG KHÁNH	QUỲNH	19-Sep-04	60141033	7	7/11			THCS LÊ LỢI	
671	NGUYỄN TĂNG TÀI	PHÁT	08-Mar-04	60141042	7	7/13			THCS LÊ LỢI	
672	HÌNH VĂN TÚ	PHƯƠNG	09-Apr-04	60141039	7	7/13			THCS LÊ LỢI	
673	LẠI THU	PHƯƠNG	10-Feb-04	60141040	7	7/13			THCS LÊ LỢI	
674	PHẠM NGỌC QUỲNH	ANH	30-Nov-04	60141044	7	7/14			THCS LÊ LỢI	
675	TRẦN ĐÌNH THẢO	NGUYỄN	02-Aug-04	60141045	7	7/14			THCS LÊ LỢI	
676	MAI HOÀNG	PHÚC	05-Mar-04	60141043	7	7/14			THCS LÊ LỢI	
677	NGUYỄN NGỌC LAN	ANH	09-Sep-04	60141046	7	7/15			THCS LÊ LỢI	
678	TRẦN TẤN	ĐẠT	19-Feb-04	60141047	7	7/15			THCS LÊ LỢI	
679	TRƯƠNG THANH HIẾU	NHÂN	27-Jul-04	60141048	7	7/15			THCS LÊ LỢI	
680	NGUYỄN KHẮC	DUY	17-Nov-04	60140232	7	7/16			LÊ ANH XUÂN	
681	MAI NGUYỄN TRÀ	MY	12-Aug-04	60140231	7	7/16			LÊ ANH XUÂN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
682	LÊ TRƯƠNG ĐỨC	PHÚ	24-Aug-04	60140230	7	7/16			LÊ ANH XUÂN	
683	NGUYỄN TẤN	THI	27-Sep-04	60140233	7	7/16			LÊ ANH XUÂN	
684	NGUYỄN TRẦN TUỜNG	UYÊN	13-Oct-04	60140234	7	7/16			LÊ ANH XUÂN	
685	NGUYỄN QUỐC	DUY	01-Jan-04	60141053	7	7/16			THCS LÊ LỢI	
686	VĂN VĨNH THÁI	HOÀN	08-Jun-04	60141059	7	7/16			THCS LÊ LỢI	
687	NGUYỄN TRẦN ĐĂNG	KHOA	05-Jan-04	60141055	7	7/16			THCS LÊ LỢI	
688	PHẠM TRUNG	KIÊN	14-Jun-04	60141057	7	7/16			THCS LÊ LỢI	
689	LUU NGOC	LINH	30-Mar-04	60141052	7	7/16			THCS LÊ LỢI	
690	LÊ MẠNH	TRÍ	21-Sep-04	60141051	7	7/16			THCS LÊ LỢI	
691	TRƯƠNG ĐĂNG	KHOA	06-Dec-04	60141060	7	7/17			THCS LÊ LỢI	
692	TÔ CHÍ	KHANH	13-Aug-04	60140537	7	7/2			ĐẶNG TRẦN CÔN	
693	ĐỖ NGỌC	BẢO	12-Nov-04	60141307	7	7/2			NGUYỄN HUỆ	
694	PHAN THỊ THU	GIANG	20-Jan-04	60141311	7	7/2			NGUYỄN HUỆ	
695	NGUYỄN HOÀNG BẢO	PHÚC	17-Jan-04	60141308	7	7/2			NGUYỄN HUỆ	
696	NGUYỄN THÀNH	TÀI	16-Feb-04	60141309	7	7/2			NGUYỄN HUỆ	
697	PHẠM THỊ THANH	THÚY	7-May-04	60141310	7	7/2			NGUYỄN HUỆ	
698	ĐINH HẢI	CƠ	04-Jun-04	60141482	7	7/2			THOẠI NGỌC HẦU	
699	LƯU VĨNH	KHANG	29-Oct-04	60141483	7	7/2			THOẠI NGỌC HẦU	
700	NGUYỄN THÚY	AN	11-Dec-04	60141208	7	7/2			TRẦN QUANG KHẢI	
701	ĐỖ THÚY	ANH	09-Jun-04	60141199	7	7/2			TRẦN QUANG KHẢI	
702	TRẦN QUANG	BẢO	28-Oct-04	60141211	7	7/2			TRẦN QUANG KHẢI	
703	THÁI BỘI	BỘI	20-Sep-04	60141209	7	7/2			TRẦN QUANG KHẢI	
704	BÙI HUY	HOÀNG	07-Apr-04	60141198	7	7/2			TRẦN QUANG KHẢI	
705	HOÀNG THÁI XUÂN	HƯỜNG	09-Feb-04	60141201	7	7/2			TRẦN QUANG KHẢI	
706	TRẦN NGUYỄN MẠNH	KHANG	24-Dec-04	60141210	7	7/2			TRẦN QUANG KHẢI	
707	LÊ NGỌC MINH	KHUÊ	20-Sep-04	60141203	7	7/2			TRẦN QUANG KHẢI	
708	NGUYỄN HÒA NGỌC	LINH	23-Jul-04	60141205	7	7/2			TRẦN QUANG KHẢI	
709	HUỲNH LÊ	NHẬT	16-Jul-04	60141200	7	7/2			TRẦN QUANG KHẢI	
710	MAI THANH THIÊN	PHÚ	20-Mar-04	60141204	7	7/2			TRẦN QUANG KHẢI	
711	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	04-Aug-04	60141207	7	7/2			TRẦN QUANG KHẢI	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
712	TRẦN MINH	ĐẠT	28-May-04	60140539	7	7/3			ĐẶNG TRẦN CÔN	
713	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG	THẢO	17-Aug-04	60141312	7	7/3			NGUYỄN HUỆ	
714	NGUYỄN HOÀNG AN	BÌNH	21-Mar-04	60141222	7	7/3			TRẦN QUANG KHẢI	
715	NGUYỄN BẢO	CHÂU	27-Nov-04	60141221	7	7/3			TRẦN QUANG KHẢI	
716	PHẠM MINH	THIỆN	20-Nov-04	60141224	7	7/3			TRẦN QUANG KHẢI	
717	NGUYỄN NGỌC	HÀ	27-Sep-04	60140242	7	7/4			LÊ ANH XUÂN	
718	LÊ THỊ NGỌC	HÂN	16-Oct-04	60140237	7	7/4			LÊ ANH XUÂN	
719	MAI NAM	PHƯƠNG	03-May-04	60140239	7	7/4			LÊ ANH XUÂN	
720	VÕ TUỜNG	VY	23-May-04	60140247	7	7/4			LÊ ANH XUÂN	
721	PHẠM THỊ PHƯƠNG	ANH	26-Feb-04	60141315	7	7/4			NGUYỄN HUỆ	
722	NGUYỄN THỊ	THẨM	16-Jul-04	60141314	7	7/4			NGUYỄN HUỆ	
723	ĐOÀN NGỌC THANH	NHÃ	26-Dec-04	60141486	7	7/4			THOẠI NGỌC HẦU	
724	LƯƠNG THÚY	QUỲNH	25-Oct-04	60141487	7	7/4			THOẠI NGỌC HẦU	
725	PHAẠM THÀNH CÔNG	DANH	09-Dec-04	60141231	7	7/4			TRẦN QUANG KHẢI	
726	LƯƠNG THÀNH	ĐẠT	23-Dec-04	60141228	7	7/4			TRẦN QUANG KHẢI	
727	NGUYỄN BẢO	NHI	27-Aug-04	60141229	7	7/4			TRẦN QUANG KHẢI	
728	NGUYỄN HUỲNH HOÀNG	THIỆN	15-Jul-04	60141230	7	7/4			TRẦN QUANG KHẢI	
729	ĐỖ NGỌC	ANH	28-Dec-04	60140250	7	7/5			LÊ ANH XUÂN	
730	TRÀ THÀNH	ĐẠT	17-Jan-04	60140264	7	7/5			LÊ ANH XUÂN	
731	NGUYỄN QUANG	HUY	13-Jun-04	60140258	7	7/5			LÊ ANH XUÂN	
732	NGUYỄN TRỌNG ANH	HUY	26-Aug-04	60140261	7	7/5			LÊ ANH XUÂN	
733	TRẦN TUỜNG	KHANH	23-Mar-04	60140266	7	7/5			LÊ ANH XUÂN	
734	LÊ ANH	KHOA	23-Aug-04	60140253	7	7/5			LÊ ANH XUÂN	
735	NGUYỄN HỒNG BẢO	NGỌC	22-Dec-04	60140257	7	7/5			LÊ ANH XUÂN	
736	NGUYỄN THỊ HIỀN	NHI	19-Jun-04	60140259	7	7/5			LÊ ANH XUÂN	
737	VÕ THỊ KIM	NHI	23-Apr-04	60140267	7	7/5			LÊ ANH XUÂN	
738	NGUYỄN TÍN	THÀNH	04-Jan-04	60140260	7	7/5			LÊ ANH XUÂN	
739	NGUYỄN HÀ BẢO	TRÂN	07-Nov-04	60140256	7	7/5			LÊ ANH XUÂN	
740	BÙI HỒ KHÁNH	VY	22-Aug-04	60140248	7	7/5			LÊ ANH XUÂN	
741	NGUYỄN LÊ GIA	BẢO	18-May-04	60141233	7	7/5			TRẦN QUANG KHẢI	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
742	NGUYỄN THẾ	KHẢI	18-Apr-04	60141234	7	7/5			TRẦN QUANG KHẢI	
743	LÊ TÂN	LỢI	30-Sep-04	60141061	7	7/6			THCS LÊ LỢI	
744	TRẦN BÁ	ANH	12-Dec-04	60140294	7	7/7			LÊ ANH XUÂN	
745	ĐINH THỊ Y	BÌNH	19-Jan-04	60140269	7	7/7			LÊ ANH XUÂN	
746	ĐOÀN BẢO	CHÂU	05-Nov-04	60140271	7	7/7			LÊ ANH XUÂN	
747	LƯƠNG NGUYỄN NGỌC	CHÂU	14-Mar-04	60140280	7	7/7			LÊ ANH XUÂN	
748	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	20-Jan-04	60140290	7	7/7			LÊ ANH XUÂN	
749	LÊ BÁ	ĐIỀN	08-Jul-04	60140275	7	7/7			LÊ ANH XUÂN	
750	NGUYỄN TRẦN THU	GIANG	03-May-04	60140291	7	7/7			LÊ ANH XUÂN	
751	TRỊNH THÚY	HIỀN	14-Jan-04	60140300	7	7/7			LÊ ANH XUÂN	
752	NGUYỄN THỊ	HIỀN	11-Feb-04	60140288	7	7/7			LÊ ANH XUÂN	
753	VŨ ĐỨC	HUY	03-May-04	60140302	7	7/7			LÊ ANH XUÂN	
754	TRẦN PHÚC	KHANG	15-Oct-04	60140296	7	7/7			LÊ ANH XUÂN	
755	TRẦN ĐĂNG	KHOA	08-Jun-04	60140295	7	7/7			LÊ ANH XUÂN	
756	LÊ MINH	KHÔI	21-Oct-04	60140277	7	7/7			LÊ ANH XUÂN	
757	NGUYỄN THỊ NHƯ	LINH	02-Apr-04	60140289	7	7/7			LÊ ANH XUÂN	
758	NGUYỄN CÁT	LỢI	08-Apr-04	60140283	7	7/7			LÊ ANH XUÂN	
759	HÀ TRẦN TRUNG	NAM	26-Feb-04	60140273	7	7/7			LÊ ANH XUÂN	
760	ĐOÀN LÊ PHƯƠNG	NGHI	10-Jun-04	60140272	7	7/7			LÊ ANH XUÂN	
761	TRẦN PHƯƠNG BẢO	NGHI	27-Aug-04	60140297	7	7/7			LÊ ANH XUÂN	
762	NGUYỄN NGỌC TRANG	NHÃ	15-Jan-04	60140287	7	7/7			LÊ ANH XUÂN	
763	NGUYỄN NGỌC TÂM	NHƯ	17-Apr-04	60140286	7	7/7			LÊ ANH XUÂN	
764	ĐÀO THỊ KIM	NHUNG	21-Jul-04	60140268	7	7/7			LÊ ANH XUÂN	
765	TRẦN VĂN	THẮNG	01-Jul-04	60140299	7	7/7			LÊ ANH XUÂN	
766	NGUYỄN LÂM TRƯỜNG	THÀNH	20-Apr-04	60140285	7	7/7			LÊ ANH XUÂN	
767	TRẦN	AN	03-Oct-04	60140323	7	7/8			LÊ ANH XUÂN	
768	ĐINH GIA	BẢO	02-Oct-04	60140304	7	7/8			LÊ ANH XUÂN	
769	TRƯƠNG THÁI	BẢO	13-Apr-04	60140325	7	7/8			LÊ ANH XUÂN	
770	NGUYỄN ĐẶNG BẢO	CHÂU	20-Jan-04	60140316	7	7/8			LÊ ANH XUÂN	
771	DƯƠNG MINH	ĐỨC	30-Nov-04	60140306	7	7/8			LÊ ANH XUÂN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
772	PHAN TRÍ	DŨNG	07-Jan-04	60140322	7	7/8			LÊ ANH XUÂN	
773	NGUYỄN TĂNG ANH	HÀO	15-Mar-04	60140320	7	7/8			LÊ ANH XUÂN	
774	ĐỖ THANH	HÒA	30-Jan-04	60140305	7	7/8			LÊ ANH XUÂN	
775	NGUYỄN BÌNH	HÒA	08-Nov-04	60140315	7	7/8			LÊ ANH XUÂN	
776	PHẠM MINH	KHÔI	04-Jan-04	60140321	7	7/8			LÊ ANH XUÂN	
777	VÕ HOÀNG	LAN	1-Feb-04	60140326	7	7/8			LÊ ANH XUÂN	
778	NGUYỄN NGỌC XUÂN	LONG	01-Jan-04	60140319	7	7/8			LÊ ANH XUÂN	
779	ĐẶNG MAI BẢO	MY	25-Aug-04	60140303	7	7/8			LÊ ANH XUÂN	
780	DƯƠNG XUÂN QUỲNH	NGÂN	22-Dec-04	60140307	7	7/8			LÊ ANH XUÂN	
781	VŨ NGỌC TUYẾT	NHUNG	04-Aug-04	60140329	7	7/8			LÊ ANH XUÂN	
782	VŨ HOÀNG	SƠN	07-Sep-04	60140328	7	7/8			LÊ ANH XUÂN	
783	LÊ NGỌC MINH	THƯ	02-Nov-04	60140310	7	7/8			LÊ ANH XUÂN	
784	LÊ VÕ TRỌNG	TÍN	07-Apr-04	60140314	7	7/8			LÊ ANH XUÂN	
785	TRẦN KHÁNH	TRÂN	24-Nov-04	60140324	7	7/8			LÊ ANH XUÂN	
786	LÊ TRẦN KHÁNH	VÂN	09-Aug-04	60140313	7	7/8			LÊ ANH XUÂN	
787	NGÔ TRÀ	MY	10-Apr-04	60140552	7	7/9			ĐẶNG TRẦN CÔN	
788	PHẠM LÊ YẾN	NHI	02-Jul-04	60140555	7	7/9			ĐẶNG TRẦN CÔN	
789	TRẦN BẢO	ANH	27-Dec-04	60141407	7	7/9			THCS HÙNG VƯƠNG	
790	TRẦN GIA	PHỤNG	07-Oct-04	60141408	7	7/9			THCS HÙNG VƯƠNG	
791	PHẠM THỊ THANH	THẢO	27-Aug-04	60141406	7	7/9			THCS HÙNG VƯƠNG	
792	TRẦN NGỌC	THỊNH	01-Aug-04	60141409	7	7/9			THCS HÙNG VƯƠNG	
793	MAI PHƯƠNG	THÙY	02-Apr-04	60141405	7	7/9			THCS HÙNG VƯƠNG	
794	PHẠM THÁI	KIỆT	16-Dec-04	60140803	7	7 ¹⁰			LÊ ANH XUÂN	
795	NGUYỄN NGỌC YÊN	ĐAN	07-Oct-04	60140813	7	7 ²			LÊ ANH XUÂN	
796	TÔ THỊ NGỌC	HIỀN	08-Dec-04	60140822	7	7 ²			LÊ ANH XUÂN	
797	TRẦN HOÀNG	KHIÊM	10-Apr-04	60140823	7	7 ²			LÊ ANH XUÂN	
798	NGUYỄN TRỊNH KIM	NGÂN	08-Sep-04	60140817	7	7 ²			LÊ ANH XUÂN	
799	PHAN THANH	PHONG	08-Jan-04	60140821	7	7 ²			LÊ ANH XUÂN	
800	NGUYỄN VY NHẬT	THẢO	21-Nov-04	60140818	7	7 ²			LÊ ANH XUÂN	
801	LÊ TRẦN MINH	THƯ	10-Mar-04	60140807	7	7 ²			LÊ ANH XUÂN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
802	NGUYỄN ĐẶNG TRƯỜNG	VINH	09-Dec-03	60140809	7	7 ²			LÊ ANH XUÂN	
803	NGUYỄN QUANG	VINH	02-Nov-04	60140814	7	7 ²			LÊ ANH XUÂN	
804	VŨ QUỲNH	AN	06-Jun-04	60140835	7	7 ³			LÊ ANH XUÂN	
805	NGÔ NHẬT THIÊN	ANH	01-Jan-04	60140826	7	7 ³			LÊ ANH XUÂN	
806	VŨ TIẾN	ĐẠT	14-Aug-04	60140836	7	7 ³			LÊ ANH XUÂN	
807	NGUYỄN VŨ XUÂN	MAI	13-Jan-04	60140832	7	7 ³			LÊ ANH XUÂN	
808	NGUYỄN TRẦN HOÀNG	PHÚC	19-Jun-04	60140830	7	7 ³			LÊ ANH XUÂN	
809	NGUYỄN MINH	THƯ	23-May-04	60140828	7	7 ³			LÊ ANH XUÂN	
810	DAVID BONG CHUNG	MING	08-Aug-02	60141566	7	7A1			TRÍ ĐỨC	
811	NGUYỄN GIA	BẢO	07-Jan-03	60143042	8	8			NGUYỄN HUỆ	
812	PHẠM THANH	TUYỀN	22-May-03	60143041	8	8			NGUYỄN HUỆ	
813	LÊ HỮU NAM	ANH	20-Jun-03	60141890	8	8 / 1			VỖ THÀNH TRANG	
814	TÔ HOÀNG GIA	BẢO	14-Oct-03	60141899	8	8 / 1			VỖ THÀNH TRANG	
815	HỨA TỔ	HÂN	29-May-03	60141888	8	8 / 1			VỖ THÀNH TRANG	
816	HÀ XUÂN	HOÀNG	22-Oct-03	60141886	8	8 / 1			VỖ THÀNH TRANG	
817	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NHI	16-Nov-03	60141898	8	8 / 1			VỖ THÀNH TRANG	
818	NGHIÊM THÁI HOÀNG	TUẤN	17-Oct-03	60141893	8	8 / 1			VỖ THÀNH TRANG	
819	LUU THỊ THANH	VÂN	20-Apr-03	60141891	8	8 / 1			VỖ THÀNH TRANG	
820	NGUYỄN HOÀNG KIM	NGÂN	19-Sep-03	60141903	8	8 / 15			VỖ THÀNH TRANG	
821	TRẦN CÔNG	THÀNH	09-May-03	60141905	8	8 / 15			VỖ THÀNH TRANG	
822	LÊ VĂN	HIỆU	22-May-03	60141908	8	8 / 17			VỖ THÀNH TRANG	
823	PHAN HUỲNH NHẬT	HÙNG	10-Feb-03	60141910	8	8 / 17			VỖ THÀNH TRANG	
824	NGUYỄN THÀNH	HUY	03-Mar-03	60141915	8	8 / 2			VỖ THÀNH TRANG	
825	NGUYỄN LÊ BẢO	NGỌC	14-Feb-03	60141914	8	8 / 2			VỖ THÀNH TRANG	
826	ĐỖ PHƯƠNG	BÌNH	28-Dec-03	60141916	8	8 / 20			VỖ THÀNH TRANG	
827	NGUYỄN THÚY	HIỀN	27-Jul-03	60141918	8	8 / 20			VỖ THÀNH TRANG	
828	PHẠM QUANG	VINH	23-Aug-03	60141920	8	8 / 20			VỖ THÀNH TRANG	
829	TỪ NGỌC QUANG	VINH	11-Aug-03	60141921	8	8 / 20			VỖ THÀNH TRANG	
830	TRỊNH TRẦN	NGHỊ	13-Sep-03	60141923	8	8 / 3			VỖ THÀNH TRANG	
831	VŨ TIẾN	NAM	14-Feb-03	60141929	8	8 / 6			VỖ THÀNH TRANG	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
832	NGUYỄN TÚ	UYÊN	19-Dec-03	60141928	8	8 / 6			VỖ THÀNH TRANG	
833	NGUYỄN TRỊNH MINH	HÀNG	14-Mar-03	60141932	8	8 / 8			VỖ THÀNH TRANG	
834	HUỖNH NGỌC	THIỆN	23-Sep-03	60141930	8	8 / 8			VỖ THÀNH TRANG	
835	TRẦN NGỌC	BÍCH	06-Jan-03	60140845	8	8 /14			LÊ ANH XUÂN	
836	TRẦN HUỖNH	LONG	15-Jun-03	60140844	8	8 /14			LÊ ANH XUÂN	
837	NGUYỄN HẢI TIẾN	PHÁT	09-Jul-03	60140841	8	8 /14			LÊ ANH XUÂN	
838	HUỖNH THANH	PHƯƠNG	28-May-03	60140839	8	8 /14			LÊ ANH XUÂN	
839	HUỖNH KHÁNH THẢO	QUYÊN	28-Mar-03	60140838	8	8 /14			LÊ ANH XUÂN	
840	NGUYỄN TRẦN MINH	THI	17-Nov-03	60140843	8	8 /14			LÊ ANH XUÂN	
841	TÔN NỮ QUỲNH	ANH	11-Feb-03	60140350	8	8 một			LÊ ANH XUÂN	
842	ĐẶNG NGUYỄN	BÌNH	19-Jul-03	60140331	8	8 một			LÊ ANH XUÂN	
843	ĐÌNH NGỌC VÂN	CHÂU	24-Oct-03	60140332	8	8 một			LÊ ANH XUÂN	
844	TẶNG MINH	CHÂU	05-Nov-03	60140349	8	8 một			LÊ ANH XUÂN	
845	NGUYỄN TRẦN	DANH	11-May-03	60140347	8	8 một			LÊ ANH XUÂN	
846	HUỖNH THÁI	DƯƠNG	09-Jul-03	60140337	8	8 một			LÊ ANH XUÂN	
847	TRẦN NGÂN	HÀ	10-Oct-03	60140351	8	8 một			LÊ ANH XUÂN	
848	NGUYỄN THẾ KHANG	HI	11-Oct-03	60140346	8	8 một			LÊ ANH XUÂN	
849	NGUYỄN THANH	HIỀN	27-Oct-03	60140345	8	8 một			LÊ ANH XUÂN	
850	HUỖNH HOÀN	KHẢI	11-Jul-03	60140336	8	8 một			LÊ ANH XUÂN	
851	LÝ MINH	KHANG	26-Jun-03	60140339	8	8 một			LÊ ANH XUÂN	
852	BÙI NGỌC	LINH	02-Nov-03	60140330	8	8 một			LÊ ANH XUÂN	
853	ĐOÀN VIỆT	MINH	23-Apr-03	60140335	8	8 một			LÊ ANH XUÂN	
854	VƯƠNG TRẦN BẢO	NGÂN	24-Dec-03	60140354	8	8 một			LÊ ANH XUÂN	
855	NGUYỄN LÊ YẾN	NHI	13-Feb-03	60140340	8	8 một			LÊ ANH XUÂN	
856	VŨ MINH	QUÂN	01-Aug-03	60140353	8	8 một			LÊ ANH XUÂN	
857	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	01-May-03	60140343	8	8 một			LÊ ANH XUÂN	
858	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	THANH	28-Jun-03	60140342	8	8 một			LÊ ANH XUÂN	
859	NGUYỄN VĂN	THANH	16-May-03	60140348	8	8 một			LÊ ANH XUÂN	
860	TRẦN PHƯƠNG	THẢO	04-Dec-03	60140352	8	8 một			LÊ ANH XUÂN	
861	LÂM NGỌC	TRÂM	03-Jul-03	60140338	8	8 một			LÊ ANH XUÂN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
862	LÊ TÙNG	AN	03-May-03	60140857	8	8.6'			LÊ ANH XUÂN	
863	NGUYỄN HỒNG	ANH	31-Mar-03	60140859	8	8.6'			LÊ ANH XUÂN	
864	TRỊNH UYÊN	CHI	01-Apr-03	60140868	8	8.6'			LÊ ANH XUÂN	
865	HUỖNH HẢI	DƯƠNG	11-Oct-03	60140852	8	8.6'			LÊ ANH XUÂN	
866	HÙNG GIA	HÂN	10-Mar-03	60140851	8	8.6'			LÊ ANH XUÂN	
867	NGUYỄN NGỌC	KHẢI	11-Mar-03	60140862	8	8.6'			LÊ ANH XUÂN	
868	NGUYỄN HIỀN	MINH	03-Mar-03	60140858	8	8.6'			LÊ ANH XUÂN	
869	LÊ ĐÌNH	NHÂN	11-Jul-03	60140855	8	8.6'			LÊ ANH XUÂN	
870	TSU MINH	PHÁT	07-May-03	60140866	8	8.6'			LÊ ANH XUÂN	
871	TRƯƠNG ĐIỂM	PHÚC	16-Mar-03	60140869	8	8.6'			LÊ ANH XUÂN	
872	LÂM VĂN	THIÊN	15-Feb-03	60140853	8	8.6'			LÊ ANH XUÂN	
873	LÊ CAO ĐỨC	TRÍ	18-Feb-03	60140854	8	8.6'			LÊ ANH XUÂN	
874	NGUYỄN VĂN	TRÍ	29-Jun-03	60140863	8	8.6'			LÊ ANH XUÂN	
875	NGUYỄN HỮU	TUẤN	20-Jan-03	60140860	8	8.6'			LÊ ANH XUÂN	
876	DƯƠNG LỤC ÁNH	XUÂN	25-Dec-03	60140850	8	8.6'			LÊ ANH XUÂN	
877	LÊ NGUYỄN GIA	BẢO	07-Nov-03	60140559	8	8/1			ĐẶNG TRẦN CÔN	
878	DIỆP QUỲNH	NHƯ	11-Feb-03	60140556	8	8/1			ĐẶNG TRẦN CÔN	
879	NGUYỄN ĐOÀN XUÂN	GIANG	05-Jul-03	60141000	8	8/1			TÂN THỜI HÒA	
880	VY NGỌC	MÃN	26-Nov-03	60141413	8	8/1			THCS HÙNG VƯƠNG	
881	BÙI BẢO	NGỌC	06-Aug-03	60141410	8	8/1			THCS HÙNG VƯƠNG	
882	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	12-Feb-03	60141412	8	8/1			THCS HÙNG VƯƠNG	
883	NGUYỄN NGỌC HOÀNG	ANH	12-Nov-03	60141062	8	8/1			THCS LÊ LỢI	
884	NGUYỄN QUỲNH ANH	THƯ	05-Oct-03	60141063	8	8/1			THCS LÊ LỢI	
885	ĐẶNG ĐỨC	HUY	02-Jan-03	60141489	8	8/1			THOẠI NGỌC HẦU	
886	ĐẶNG TUYẾT	LINH	11-Nov-03	60141490	8	8/1			THOẠI NGỌC HẦU	
887	TRẦN NGÔ GIA	PHÁT	22-Sep-03	60141507	8	8/1			THOẠI NGỌC HẦU	
888	HÀ PHÚ	SANG	01-Jun-03	60141492	8	8/1			THOẠI NGỌC HẦU	
889	THẠCH THỊ MINH	THƯ	19-Jul-03	60141505	8	8/1			THOẠI NGỌC HẦU	
890	DƯƠNG GIA BẢO	TRÂM	11-Feb-03	60141491	8	8/1			THOẠI NGỌC HẦU	
891	LÊ NGUYỄN NGỌC	TRÂN	11-Apr-03	60141497	8	8/1			THOẠI NGỌC HẦU	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
892	TẠ KHẢI	VINH	04-Jul-03	60141504	8	8/1			THOẠI NGỌC HẦU	
893	BÙI TRẦN PHƯƠNG	VY	05-Jun-03	60141488	8	8/1			THOẠI NGỌC HẦU	
894	HOÀNG HIẾU	VY	29-May-03	60141494	8	8/1			THOẠI NGỌC HẦU	
895	HUỲNH NHẬT	KHOA	16-Jan-03	60141184	8	8/1			TRẦN QUANG KHẢI	
896	NGUYỄN KHÁNH	LINH	19-Jan-03	60141186	8	8/1			TRẦN QUANG KHẢI	
897	LÊ ĐẶNG THÚY	QUỲNH	14-Nov-03	60141185	8	8/1			TRẦN QUANG KHẢI	
898	TRẦN QUANG	THÔNG	11-Jun-03	60141190	8	8/1			TRẦN QUANG KHẢI	
899	NGUYỄN QUỐC	TUẤN	09-May-03	60141187	8	8/1			TRẦN QUANG KHẢI	
900	TRẦN PHẠM PHƯƠNG	UYÊN	21-Jul-03	60141189	8	8/1			TRẦN QUANG KHẢI	
901	ĐÀM LÊ THANH	VI	18-Nov-03	60141242	8	8/1			TRẦN QUANG KHẢI	
902	TỪ MỸ	HẢO	04-Oct-03	60141624	8	8/1			TRƯỜNG TH-THCS HỒNG NGỌC	
903	NGUYỄN NHƯ	HẬU	09-Jan-03	60141620	8	8/1			TRƯỜNG TH-THCS HỒNG NGỌC	
904	TRẦN QUỐC	KHANG	27-Mar-03	60141623	8	8/1			TRƯỜNG TH-THCS HỒNG NGỌC	
905	ĐÌNH HOÀNG	LONG	10-Jun-03	60141618	8	8/1			TRƯỜNG TH-THCS HỒNG NGỌC	
906	TÔ LỄ	THI	05-Feb-03	60141621	8	8/1			TRƯỜNG TH-THCS HỒNG NGỌC	
907	VĂN HOÀNG	TRÂN	14-Sep-03	60141625	8	8/1			TRƯỜNG TH-THCS HỒNG NGỌC	
908	HUỲNH MINH	TRIẾT	13-Jun-03	60141619	8	8/1			TRƯỜNG TH-THCS HỒNG NGỌC	
909	TRẦN BẢO	VĂN	05-Sep-03	60141622	8	8/1			TRƯỜNG TH-THCS HỒNG NGỌC	
910	NGUYỄN VĂN BẢO	AN	10-Nov-03	60140568	8	8/10			ĐẶNG TRẦN CÔN	
911	PHẠM PHƯƠNG	ANH	23-Apr-03	60140571	8	8/10			ĐẶNG TRẦN CÔN	
912	ĐÌNH NGỌC BẢO	CHÂU	27-May-03	60140562	8	8/10			ĐẶNG TRẦN CÔN	
913	PHẠM HUY	HOÀNG	07-Sep-03	60140570	8	8/10			ĐẶNG TRẦN CÔN	
914	NGÔ THỊ QUỲNH	NHƯ	07-Dec-03	60140566	8	8/10			ĐẶNG TRẦN CÔN	
915	LÊ PHAN ANH	TÀI	04-Jan-03	60140565	8	8/10			ĐẶNG TRẦN CÔN	
916	HÀ THỊ THANH	THẢO	26-Nov-03	60140564	8	8/10			ĐẶNG TRẦN CÔN	
917	NGUYỄN TUẤN HOÀNG	ANH	07-Mar-03	60141424	8	8/10			THCS HÙNG VƯƠNG	
918	LẠI ĐÌNH GIA	BẢO	29-Dec-03	60141419	8	8/10			THCS HÙNG VƯƠNG	
919	LƯƠNG TỔ	CHÂU	27-Oct-03	60141422	8	8/10			THCS HÙNG VƯƠNG	
920	LÊ VŨ TRƯỜNG	GIANG	16-May-03	60141421	8	8/10			THCS HÙNG VƯƠNG	
921	TRẦN MAI THANH	HẰNG	13-Dec-03	60141427	8	8/10			THCS HÙNG VƯƠNG	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
922	ĐÌNH TRẦN NHẤT	LINH	11-Nov-03	60141417	8	8/10			THCS HÙNG VƯƠNG	
923	OU TỬ HỒNG	LOAN	09-Oct-03	60141425	8	8/10			THCS HÙNG VƯƠNG	
924	TRẦN NAM	PHƯƠNG	26-May-03	60141428	8	8/10			THCS HÙNG VƯƠNG	
925	HUỲNH TỔ	QUÂN	08-Feb-03	60141418	8	8/10			THCS HÙNG VƯƠNG	
926	LÊ NGỌC	THẢO	16-Sep-03	60141420	8	8/10			THCS HÙNG VƯƠNG	
927	BÙI LÊ THUỶ	TIÊN	19-Mar-03	60141414	8	8/10			THCS HÙNG VƯƠNG	
928	DIỆP HUỲNH THÁI	TÚ	30-Mar-03	60141416	8	8/10			THCS HÙNG VƯƠNG	
929	PHẠM HOÀNG NHƯ	YẾN	24-Feb-03	60141426	8	8/10			THCS HÙNG VƯƠNG	
930	NGUYỄN NGÔ MINH	THẢO	15-Apr-03	60140581	8	8/11			ĐẶNG TRẦN CÔN	
931	NGUYỄN HOÀNG MINH	HUY	22-Nov-03	60140357	8	8/12			LÊ ANH XUÂN	
932	TRẦN HOÀNG THẢO	NHƯ	02-Jul-03	60140358	8	8/12			LÊ ANH XUÂN	
933	HUỲNH NGỌC MINH	THƯ	25-Apr-03	60140359	8	8/13			LÊ ANH XUÂN	
934	NGUYỄN ĐIỀU TÂM	ANH	22-Aug-03	60140872	8	8/15			LÊ ANH XUÂN	
935	TRẦN NGUYỄN NGỌC	HÂN	09-Sep-03	60140874	8	8/15			LÊ ANH XUÂN	
936	TRẦN TRƯỞNG MINH	HIỀN	10-Dec-03	60140875	8	8/15			LÊ ANH XUÂN	
937	NGUYỄN HUỲNH KHÁNH	NHƯ	19-Sep-03	60140873	8	8/15			LÊ ANH XUÂN	
938	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÍCH	26-Sep-03	60140879	8	8/16			LÊ ANH XUÂN	
939	TRẦN NGỌC	DUNG	05-Jun-03	60140882	8	8/16			LÊ ANH XUÂN	
940	NGUYỄN KHẢI	HOÀN	19-Mar-03	60140877	8	8/16			LÊ ANH XUÂN	
941	NGUYỄN CÔNG DUY	KHÔI	12-Nov-03	60140876	8	8/16			LÊ ANH XUÂN	
942	VÕ HÀ	LINH	09-Jul-03	60140883	8	8/16			LÊ ANH XUÂN	
943	VÕ MINH	SANG	05-Mar-03	60140884	8	8/16			LÊ ANH XUÂN	
944	PHẠM NHẠC SĨ	TÚ	21-Mar-03	60140881	8	8/16			LÊ ANH XUÂN	
945	NGUYỄN VĂN	VIỆT	21-Apr-03	60140880	8	8/16			LÊ ANH XUÂN	
946	PHÙNG KHẢ	DI	02-Nov-03	60140885	8	8/17			LÊ ANH XUÂN	
947	NGUYỄN HUY	PHÚC	07-Nov-03	60140585	8	8/2			ĐẶNG TRẦN CÔN	
948	TÔ ĐẶNG BẢO	HÂN	23-Dec-03	60140364	8	8/2			LÊ ANH XUÂN	
949	TRƯƠNG HẢI	CHÂU	01-Apr-03	60141004	8	8/2			TÂN THỜI HÒA	
950	MAI DƯƠNG BÁ	ĐẠT	26-Sep-03	60141002	8	8/2			TÂN THỜI HÒA	
951	LUU HOÀNG THANH	NGÂN	19-Feb-03	60141001	8	8/2			TÂN THỜI HÒA	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
952	NGUYỄN BÁ	PHÁT	18-Jan-03	60141003	8	8/2			TÂN THỜI HÒA	
953	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	30-Oct-03	60141065	8	8/2			THCS LÊ LỢI	
954	LÝ CHI	ÂN	23-Jun-03	60141512	8	8/2			THOẠI NGỌC HẦU	
955	HUỖNH NHẬT DUY	KHANG	03-Sep-03	60141510	8	8/2			THOẠI NGỌC HẦU	
956	NGUYỄN MINH	NHẬT	27-Aug-03	60141513	8	8/2			THOẠI NGỌC HẦU	
957	TRƯỜNG THỊ MỸ	QUỖNH	22-Aug-03	60141517	8	8/2			THOẠI NGỌC HẦU	
958	HUỖNH MINH	TÀI	25-Nov-03	60141509	8	8/2			THOẠI NGỌC HẦU	
959	VÒNG KIM	TOÀN	17-Apr-03	60141518	8	8/2			THOẠI NGỌC HẦU	
960	VŨ QUỐC	TÙNG	08-Oct-03	60141519	8	8/2			THOẠI NGỌC HẦU	
961	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	UYÊN	03-Nov-03	60141516	8	8/2			THOẠI NGỌC HẦU	
962	PHAN NGỌC NHƯ	Ý	03-Apr-03	60141515	8	8/2			THOẠI NGỌC HẦU	
963	HÀ NGUYỄN	CHƯƠNG	17-Jun-03	60141214	8	8/2			TRẦN QUANG KHẢI	
964	LÊ PHỤC	HƯNG	06-May-03	60141215	8	8/2			TRẦN QUANG KHẢI	
965	PHẠM HỮU	QUYỀN	18-Feb-03	60141216	8	8/2			TRẦN QUANG KHẢI	
966	ĐOÀN THỊ VÂN	ANH	10-Apr-03	60140588	8	8/3			ĐẶNG TRẦN CÔN	
967	LÊ NGUYỄN QUỖNH	GIANG	19-Oct-03	60140589	8	8/3			ĐẶNG TRẦN CÔN	
968	VŨ PHẠM HỒNG	LOAN	17-Aug-03	60140592	8	8/3			ĐẶNG TRẦN CÔN	
969	NGUYỄN NGỌC ÁI	NHI	23-Aug-03	60140591	8	8/3			ĐẶNG TRẦN CÔN	
970	LÊ NGUYỄN	BẢO	22-Jan-03	60140367	8	8/3			LÊ ANH XUÂN	
971	NGUYỄN TRƯỞNG THANH	HUYỀN	26-Apr-03	60140369	8	8/3			LÊ ANH XUÂN	
972	TRẦN TRỌNG	VĂN	13-Mar-03	60140371	8	8/3			LÊ ANH XUÂN	
973	PHẠM HOÀNG	VIỆT	25-Oct-03	60140370	8	8/3			LÊ ANH XUÂN	
974	NGUYỄN BÙI KHÁNH	VY	15-Aug-03	60140368	8	8/3			LÊ ANH XUÂN	
975	THÀM QUANG	BÌNH	26-Aug-02	60141524	8	8/3			THOẠI NGỌC HẦU	
976	PHAN ĐỖ NGỌC	LIÊN	28-Aug-03	60141523	8	8/3			THOẠI NGỌC HẦU	
977	NGUYỄN THẢO	NHI	10-Dec-03	60141522	8	8/3			THOẠI NGỌC HẦU	
978	ĐÀO THỊ THANH	TÂM	21-Jan-03	60141521	8	8/3			THOẠI NGỌC HẦU	
979	SÁI THỊ HẢI	YẾN	12-Jul-03	60141227	8	8/3			TRẦN QUANG KHẢI	
980	VĂN CÔNG QUỐC	CUÔNG	15-Feb-03	60140599	8	8/4			ĐẶNG TRẦN CÔN	
981	BẢO TÔN NỮ PHƯƠNG	ANH	15-Nov-03	60140886	8	8/4			LÊ ANH XUÂN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
982	NGUYỄN TRÍ	DŨNG	12-Oct-03	60140908	8	8/4			LÊ ANH XUÂN	
983	NGUYỄN THÁI HOÀNG	GIA	15-Mar-03	60140905	8	8/4			LÊ ANH XUÂN	
984	PHAN THANH	HOÀNG	21-Mar-03	60140910	8	8/4			LÊ ANH XUÂN	
985	NGUY THI	HOC	18-Nov-03	60140899	8	8/4			LÊ ANH XUÂN	
986	NGÔ CÔNG	HUẤN	03-Jan-03	60140897	8	8/4			LÊ ANH XUÂN	
987	NGUYỄN VÕ THANH	HƯỜNG	09-Jul-03	60140909	8	8/4			LÊ ANH XUÂN	
988	NGUYỄN THÀNH	HUY	12-Jun-03	60140906	8	8/4			LÊ ANH XUÂN	
989	NGUYỄN TRẦN ĐỨC	HUY	13-Oct-03	60140907	8	8/4			LÊ ANH XUÂN	
990	VÕ ĐỨC KHÔI	KHÔI	18-Apr-03	60140916	8	8/4			LÊ ANH XUÂN	
991	HUỖNH TÙNG	LINH	11-May-03	60140890	8	8/4			LÊ ANH XUÂN	
992	TRẦN GIA	LINH	18-Dec-03	60140911	8	8/4			LÊ ANH XUÂN	
993	TRẦN KHẢI	MINH	25-May-03	60140912	8	8/4			LÊ ANH XUÂN	
994	LÊ NGUYỄN QUỲNH	NGỌC	20-Feb-03	60140894	8	8/4			LÊ ANH XUÂN	
995	VÕ DUY	NHÂN	23-Jun-03	60140917	8	8/4			LÊ ANH XUÂN	
996	NGUYỄN HỒ HỮU	PHÚC	30-Dec-03	60140900	8	8/4			LÊ ANH XUÂN	
997	VĂN PHÚ MINH	SANG	02-Dec-03	60140915	8	8/4			LÊ ANH XUÂN	
998	TRỊNH THỊ TUYẾT	SƯƠNG	15-Jan-03	60140914	8	8/4			LÊ ANH XUÂN	
999	ĐÀO VĂN	THẮNG	04-Apr-03	60140887	8	8/4			LÊ ANH XUÂN	
1000	NGUYỄN HOÀI	THƯỜNG	01-Apr-03	60140901	8	8/4			LÊ ANH XUÂN	
1001	NGUYỄN NGỌC MINH	THY	08-Sep-03	60140904	8	8/4			LÊ ANH XUÂN	
1002	ĐOÀN TRƯỞNG THANH	TỊNH	21-Jul-03	60140888	8	8/4			LÊ ANH XUÂN	
1003	NGÔ ĐỨC	TRUNG	15-Nov-03	60140898	8	8/4			LÊ ANH XUÂN	
1004	LƯƠNG CHÍ	VĨ	19-Mar-03	60140896	8	8/4			LÊ ANH XUÂN	
1005	LÊ NGỌC THẢO	VY	04-Jul-03	60140893	8	8/4			LÊ ANH XUÂN	
1006	TÔ TRIỂN	HÀO	14-Sep-03	60141528	8	8/4			THOẠI NGỌC HẦU	
1007	TRƯỜNG MINH	HIẾU	22-Mar-03	60141531	8	8/4			THOẠI NGỌC HẦU	
1008	PHẠM NGUYỆT	MINH	08-Nov-03	60141527	8	8/4			THOẠI NGỌC HẦU	
1009	TRIỆU THỊ KIM	TUYỀN	19-Sep-03	60141530	8	8/4			THOẠI NGỌC HẦU	
1010	NGUYỄN NGỌC THANH	TRÚC	30-May-03	60140602	8	8/5			ĐẶNG TRẦN CÔN	
1011	NGUYỄN QUỐC	AN	22-Oct-03	60140924	8	8/5			LÊ ANH XUÂN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1012	HUỖNH NGUYỄN QUỐC	BẢO	12-Apr-03	60140921	8	8/5			LÊ ANH XUÂN	
1013	VÕ THÀNH	ĐẠT	16-Apr-03	60140929	8	8/5			LÊ ANH XUÂN	
1014	LÊ HOÀNG	ĐỨC	28-Mar-03	60140923	8	8/5			LÊ ANH XUÂN	
1015	HOÀNG NGUYỄN BẢO	DUY	22-May-03	60140919	8	8/5			LÊ ANH XUÂN	
1016	HOÀNG NGỌC	PHỤNG	28-Jun-03	60140918	8	8/5			LÊ ANH XUÂN	
1017	NGUYỄN VÕ TOÀN	THẮNG	24-Dec-03	60140925	8	8/5			LÊ ANH XUÂN	
1018	TRẦN THANH BẢO	VY	29-Jun-03	60140927	8	8/5			LÊ ANH XUÂN	
1019	LÊ BỬU THANH	XUÂN	23-Jun-03	60140922	8	8/5			LÊ ANH XUÂN	
1020	NGUYỄN GIA	BẢO	28-Oct-03	60141316	8	8/5			NGUYỄN HUỆ	
1021	VÕ THÀNH	LONG	19-Jul-03	60141237	8	8/5			TRẦN QUANG KHẢI	
1022	LÊ BÙI PHÚC	ĐẲNG	20-Nov-03	60140930	8	8/6			LÊ ANH XUÂN	
1023	LƯU VŨ MINH	ĐỨC	09-May-03	60141320	8	8/6			NGUYỄN HUỆ	
1024	TRẦN VĂN TUẤN	KIỆT	24-Mar-03	60141323	8	8/6			NGUYỄN HUỆ	
1025	NGUYỄN VŨ THẢO	MY	26-Nov-03	60141322	8	8/6			NGUYỄN HUỆ	
1026	TRẦN THÀNH	PHÁT	08-Feb-03	60141439	8	8/6			THCS HÙNG VƯƠNG	
1027	TRẦN TÚ	PHỤNG	03-Apr-03	60141440	8	8/6			THCS HÙNG VƯƠNG	
1028	VÕ KIM	TÚ	21-Oct-03	60141536	8	8/6			THOẠI NGỌC HẦU	
1029	NGUYỄN CAO MINH	TRÍ	09-Dec-03	60140604	8	8/7			ĐẶNG TRẦN CÔN	
1030	TRẦN NGỌC LAN	ANH	21-Feb-03	60141356	8	8/7			NGUYỄN HUỆ	
1031	ĐỖ HỒNG	ÁNH	28-Aug-03	60141326	8	8/7			NGUYỄN HUỆ	
1032	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	22-Oct-03	60141346	8	8/7			NGUYỄN HUỆ	
1033	MAI LINH	CHI	03-Jan-03	60141337	8	8/7			NGUYỄN HUỆ	
1034	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	30-Nov-02	60141348	8	8/7			NGUYỄN HUỆ	
1035	PHAN LÊ QUỐC	HUY	03-Nov-03	60141353	8	8/7			NGUYỄN HUỆ	
1036	CHÂU ANH	KHOA	08-Apr-03	60141324	8	8/7			NGUYỄN HUỆ	
1037	HUỖNH ĐẲNG	KHOA	17-Mar-03	60141332	8	8/7			NGUYỄN HUỆ	
1038	VÕ NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	20-Mar-03	60141361	8	8/7			NGUYỄN HUỆ	
1039	VŨ HƯƠNG	LINH	11-Aug-03	60141362	8	8/7			NGUYỄN HUỆ	
1040	THẨM THỤY NHÃ	MY	15-Apr-03	60141355	8	8/7			NGUYỄN HUỆ	
1041	NGUYỄN QUANG TRUNG	NHÂN	28-Aug-03	60141344	8	8/7			NGUYỄN HUỆ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1042	NGUYỄN LƯƠNG VĂN	PHA	06-Dec-03	60141342	8	8/7			NGUYỄN HUỆ	
1043	LÊ ĐỨC	PHÁT	09-Sep-03	60141334	8	8/7			NGUYỄN HUỆ	
1044	TRƯƠNG MINH	PHÁT	28-Dec-03	60141359	8	8/7			NGUYỄN HUỆ	
1045	LÊ THỊ NGỌC	PHƯỢNG	13-Oct-03	60141336	8	8/7			NGUYỄN HUỆ	
1046	LÊ DUY	QUÂN	19-Nov-03	60141335	8	8/7			NGUYỄN HUỆ	
1047	LÂM TRẦN MINH	QUANG	09-Jun-03	60141333	8	8/7			NGUYỄN HUỆ	
1048	ĐỖ THẾ	SƠN	6-Sep-03	60141327	8	8/7			NGUYỄN HUỆ	
1049	TRẦN TIẾN	THÀNH	17-Jun-03	60141358	8	8/7			NGUYỄN HUỆ	
1050	DƯƠNG THỊ NGỌC	THẢO	12-Jan-03	60141328	8	8/7			NGUYỄN HUỆ	
1051	PHẠM THANH	THÚY	22-May-03	60141351	8	8/7			NGUYỄN HUỆ	
1052	HÀ	THY	22-Jun-03	60141329	8	8/7			NGUYỄN HUỆ	
1053	NGUYỄN HUỲNH ÁNH	TIÊN	14-Nov-03	60141341	8	8/7			NGUYỄN HUỆ	
1054	HOÀNG BÍCH	TRÂM	27-May-03	60141331	8	8/7			NGUYỄN HUỆ	
1055	NGÔ THỊ THÙY	TRANG	14-Apr-03	60141338	8	8/7			NGUYỄN HUỆ	
1056	PHẠM HOÀNG	TRƯỜNG	28-Feb-03	60141350	8	8/7			NGUYỄN HUỆ	
1057	NGUYỄN BẢO CÁT	TUÔNG	15-Mar-03	60141339	8	8/7			NGUYỄN HUỆ	
1058	TRƯƠNG MỸ	UYÊN	24-Feb-03	60141360	8	8/7			NGUYỄN HUỆ	
1059	NGUYỄN NGỌC ÁI	VY	17-Jun-03	60141343	8	8/7			NGUYỄN HUỆ	
1060	CHÂU HOÀNG	YẾN	10-Mar-03	60141325	8	8/7			NGUYỄN HUỆ	
1061	HOÀNG QUỐC	HÙNG	08-Jun-03	60141005	8	8/7			TÂN THỜI HÒA	
1062	LÊ QUỐC	TRUNG	16-Mar-03	60141006	8	8/7			TÂN THỜI HÒA	
1063	TRẦN NGUYỄN	VŨ	23-Nov-03	60141007	8	8/7			TÂN THỜI HÒA	
1064	PHÙNG TẤN	LỘC	22-Oct-03	60140611	8	8/8			ĐẶNG TRẦN CÔN	
1065	NGUYỄN HẢI	PHÚC	27-Jul-03	60140608	8	8/8			ĐẶNG TRẦN CÔN	
1066	TÔ QUỐC	THẮNG	08-Apr-03	60140612	8	8/8			ĐẶNG TRẦN CÔN	
1067	NGUYỄN MINH	TRƯỜNG	27-Sep-03	60140609	8	8/8			ĐẶNG TRẦN CÔN	
1068	LIÊU VĨNH	TUẤN	17-Jan-03	60140607	8	8/8			ĐẶNG TRẦN CÔN	
1069	NGUYỄN THỊ MAI	HOA	22-Jun-03	60141009	8	8/8			TÂN THỜI HÒA	
1070	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	TRÂN	02-Jun-03	60141008	8	8/8			TÂN THỜI HÒA	
1071	DƯƠNG CHÍ	TÀI	07-Oct-03	60141442	8	8/8			THCS HÙNG VƯƠNG	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1072	HUỖNH NGỌC	NHU	28-Mar-03	60141537	8	8/8			THOẠI NGỌC HẦU	
1073	THÔNG QUỐC	VINH	07-Oct-03	60141541	8	8/8			THOẠI NGỌC HẦU	
1074	LƯU NGUYỄN XUÂN	QUỖNH	18-Feb-03	60141013	8	8'2			TÂN THỜI HÒA	
1075	HỒ THANH	LÂN	16-Jan-03	60141567	8	8A1			TRÍ ĐỨC	
1076	NGUYỄN TẤN KHÔI	NGUYỄN	21-Mar-03	60141570	8	8A1			TRÍ ĐỨC	
1077	THƯỢNG NGỌC THANH	TRÚC	01-Dec-03	60141571	8	8C1			TRÍ ĐỨC	
1078	VŨ MINH	DUY	18-Nov-03	60141072	8	8T1			THCS LÊ LỢI	
1079	HOÀNG THANH	HÀ	15-Aug-03	60141067	8	8T1			THCS LÊ LỢI	
1080	HOÀNG THỊ CẨM KHUÊ	KHUÊ	06-Sep-03	60141068	8	8T1			THCS LÊ LỢI	
1081	VÕ PHƯƠNG	QUỖNH	24-Jul-03	60141071	8	8T1			THCS LÊ LỢI	
1082	PHẠM ĐỖ	ĐẠT	13-Jan-03	60141085	8	8T2			THCS LÊ LỢI	
1083	VÕ LÊ QUỖNH	GIANG	04-Feb-03	60141091	8	8T2			THCS LÊ LỢI	
1084	LÊ TRUNG	HẢI	20-Mar-03	60141079	8	8T2			THCS LÊ LỢI	
1085	TRẦN HỒNG	HẢI	11-Nov-03	60141088	8	8T2			THCS LÊ LỢI	
1086	DƯ HOÀNG BẢO	KHÁNH	07-Jan-03	60141074	8	8T2			THCS LÊ LỢI	
1087	NGUYỄN DUY	KHÁNH	01-Aug-03	60141081	8	8T2			THCS LÊ LỢI	
1088	HỒNG ANH	KHOA	04-May-03	60141077	8	8T2			THCS LÊ LỢI	
1089	LÊ MINH	KHÔI	29-Nov-03	60141078	8	8T2			THCS LÊ LỢI	
1090	NGUYỄN CHẤN	NINH	19-Apr-03	60141080	8	8T2			THCS LÊ LỢI	
1091	PHAN VŨ NAM	THI	30-Aug-03	60141087	8	8T2			THCS LÊ LỢI	
1092	BÙI MINH	TÙNG	01-Sep-03	60141073	8	8T2			THCS LÊ LỢI	
1093	TRẦN QUỐC	DŨNG	24-Dec-02	60141011	9	8/9			TÂN THỜI HÒA	
1094	TRẦN THỊ HIẾU	NGỌC	01-Mar-02	60141012	9	8/9			TÂN THỜI HÒA	
1095	HUỖNH VÕ MAI	THY	26-Feb-02	60141010	9	8/9			TÂN THỜI HÒA	
1096	NGUYỄN PHƯƠNG VÂN	AN	29-Jun-02	60141961	9	9 / 1			VỖ THÀNH TRANG	
1097	ĐỖ THI LAN	ANH	01-May-02	60141942	9	9 / 1			VỖ THÀNH TRANG	
1098	PHẠM MAI	ANH	23-Jan-02	60141969	9	9 / 1			VỖ THÀNH TRANG	
1099	NGUYỄN CAO NGỌC	BẢO	13-Nov-02	60141949	9	9 / 1			VỖ THÀNH TRANG	
1100	NGUYỄN THANH	ĐẠT	03-Jan-02	60141962	9	9 / 1			VỖ THÀNH TRANG	
1101	NGUYỄN THÚY	HẰNG	06-Jun-02	60141966	9	9 / 1			VỖ THÀNH TRANG	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1102	NGUYỄN VIỆT	HOÀNG	27-Jul-02	60141968	9	9 / 1			VỖ THÀNH TRANG	
1103	NGUYỄN CHẤN	HUỠNG	15-Jun-02	60141950	9	9 / 1			VỖ THÀNH TRANG	
1104	NGUYỄN THANH	HUỠNG	15-Oct-02	60141963	9	9 / 1			VỖ THÀNH TRANG	
1105	PHẠM THIỆN	KHIÊM	25-Jan-02	60141971	9	9 / 1			VỖ THÀNH TRANG	
1106	PHẠM TRÚC QUỲNH	LÊ	19-Apr-02	60141972	9	9 / 1			VỖ THÀNH TRANG	
1107	ĐỖ THỊ KIM	LIÊN	10-Feb-02	60141943	9	9 / 1			VỖ THÀNH TRANG	
1108	KIM NGỌC YẾN	LINH	13-Nov-02	60141947	9	9 / 1			VỖ THÀNH TRANG	
1109	BÙI LÊ NHẬT	MAI	08-Dec-02	60141934	9	9 / 1			VỖ THÀNH TRANG	
1110	VỖ THỊ DIỄM	MY	30-Jan-02	60141977	9	9 / 1			VỖ THÀNH TRANG	
1111	BÙI THỊ KIM	NGÂN	30-Jun-02	60141936	9	9 / 1			VỖ THÀNH TRANG	
1112	NGUYỄN MINH	NHẬT	25-May-02	60141957	9	9 / 1			VỖ THÀNH TRANG	
1113	NGUYỄN THỊ KIM	OANH	07-Jun-02	60141964	9	9 / 1			VỖ THÀNH TRANG	
1114	BÙI HOÀNG	PHÚC	13-Mar-02	60141933	9	9 / 1			VỖ THÀNH TRANG	
1115	NGUYỄN LÊ NHƯ	QUỲNH	27-Aug-02	60141954	9	9 / 1			VỖ THÀNH TRANG	
1116	NGUYỄN THU	THẢO	13-Nov-02	60141965	9	9 / 1			VỖ THÀNH TRANG	
1117	NGUYỄN HOÀN	THỨC	21-Feb-02	60141952	9	9 / 1			VỖ THÀNH TRANG	
1118	HUỲNH TRỌNG	TÍNH	31-Dec-02	60141946	9	9 / 1			VỖ THÀNH TRANG	
1119	HUỲNH PHÚC	TOÀN	11-Nov-02	60141945	9	9 / 1			VỖ THÀNH TRANG	
1120	ĐINH THỊ THU	TRÀ	18-Jun-02	60141940	9	9 / 1			VỖ THÀNH TRANG	
1121	VỖ MINH	TÙNG	13-Oct-02	60141976	9	9 / 1			VỖ THÀNH TRANG	
1122	LÊ NGỌC THANH	VY	26-Nov-02	60141948	9	9 / 1			VỖ THÀNH TRANG	
1123	NGUYỄN LÊ NGUYÊN	VY	28-Mar-02	60141953	9	9 / 1			VỖ THÀNH TRANG	
1124	BÙI TRÚC	ANH	28-Apr-02	60141980	9	9 / 11			VỖ THÀNH TRANG	
1125	LÊ HOÀNG	ANH	09-Aug-02	60141987	9	9 / 11			VỖ THÀNH TRANG	
1126	LÊ THỊ HOÀNG	ANH	13-Jul-02	60141993	9	9 / 11			VỖ THÀNH TRANG	
1127	LÊ VÕ MỸ	ANH	22-Nov-02	60141995	9	9 / 11			VỖ THÀNH TRANG	
1128	TRẦN PHÚC	ANH	13-Oct-02	60142015	9	9 / 11			VỖ THÀNH TRANG	
1129	NGUYỄN NGỌC	CHÂU	17-May-02	60142003	9	9 / 11			VỖ THÀNH TRANG	
1130	PHẠM TRÍ	ĐỨC	10-Sep-02	60142011	9	9 / 11			VỖ THÀNH TRANG	
1131	LÊ PHƯƠNG	DUNG	29-Sep-02	60141991	9	9 / 11			VỖ THÀNH TRANG	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1132	TRẦN MINH	DUY	15-Oct-02	60142014	9	9 / 11			VỖ THÀNH TRANG	
1133	NGUYỄN KHÁNH	HUY	27-Mar-02	60142000	9	9 / 11			VỖ THÀNH TRANG	
1134	PHÙNG QUỐC	HUY	15-Oct-02	60142012	9	9 / 11			VỖ THÀNH TRANG	
1135	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	11-Apr-02	60142010	9	9 / 11			VỖ THÀNH TRANG	
1136	VỖ KHÁNH	LINH	21-Oct-02	60142017	9	9 / 11			VỖ THÀNH TRANG	
1137	NGUYỄN HOÀNG	LUẬT	01-Nov-02	60141997	9	9 / 11			VỖ THÀNH TRANG	
1138	NGUYỄN HOÀNG MINH	NGÂN	27-Feb-02	60141998	9	9 / 11			VỖ THÀNH TRANG	
1139	LÊ THỊ HỒNG	NGỌC	24-Jan-02	60141994	9	9 / 11			VỖ THÀNH TRANG	
1140	NGUYỄN MINH THANH	NGUYỆT	27-Feb-02	60142002	9	9 / 11			VỖ THÀNH TRANG	
1141	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	06-Jan-02	60142006	9	9 / 11			VỖ THÀNH TRANG	
1142	LÊ HỒNG	PHƯƠNG	03-Apr-02	60141988	9	9 / 11			VỖ THÀNH TRANG	
1143	NGUYỄN LÊ UYÊN	PHƯƠNG	30-Jun-02	60142001	9	9 / 11			VỖ THÀNH TRANG	
1144	KIỀU NGỌC	QUỲNH	13-Nov-02	60141985	9	9 / 11			VỖ THÀNH TRANG	
1145	LÊ MINH	TÂN	09-Nov-02	60141989	9	9 / 11			VỖ THÀNH TRANG	
1146	NGUYỄN THI THANH	THẢO	20-Jun-02	60142008	9	9 / 11			VỖ THÀNH TRANG	
1147	NGUYỄN THỊ ANH	THÚ	10-Oct-02	60142009	9	9 / 11			VỖ THÀNH TRANG	
1148	TRẦN VŨ ANH	THÚ	17-Dec-02	60142016	9	9 / 11			VỖ THÀNH TRANG	
1149	TRẦN ĐỖ VY	UYÊN	19-Jan-02	60142013	9	9 / 11			VỖ THÀNH TRANG	
1150	LÊ THÀNH	VINH	12-Nov-02	60141992	9	9 / 11			VỖ THÀNH TRANG	
1151	NGUYỄN ĐÌNH TUYẾT	VY	31-Oct-02	60141996	9	9 / 11			VỖ THÀNH TRANG	
1152	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	VY	31-Jan-02	60142005	9	9 / 11			VỖ THÀNH TRANG	
1153	NGUYỄN KHẮC HOÀNG	GIANG	02-Apr-02	60142020	9	9 / 2			VỖ THÀNH TRANG	
1154	VỖ THỊ UYÊN	NGHI	16-Jan-02	60142025	9	9 / 2			VỖ THÀNH TRANG	
1155	NGUYỄN TRỌNG	NHÂN	19-Dec-02	60142023	9	9 / 2			VỖ THÀNH TRANG	
1156	ĐÀO THÚY	VY	06-Mar-02	60142019	9	9 / 2			VỖ THÀNH TRANG	
1157	VŨƠNG HỒNG	THỎ	03-Dec-02	60142031	9	9 / 8			VỖ THÀNH TRANG	
1158	LÊ NGỌC	TRINH	07-May-02	60142030	9	9 / 8			VỖ THÀNH TRANG	
1159	NGUYỄN HỒNG	NGỌC	09-Mar-02	60142032	9	9/ 4			VỖ THÀNH TRANG	
1160	NGUYỄN THANH THẢO	NHI	27-Nov-02	60142034	9	9/ 4			VỖ THÀNH TRANG	
1161	NGUYỄN TẤN	PHÁT	20-Dec-02	60142033	9	9/ 4			VỖ THÀNH TRANG	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1162	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	12-Sep-02	60140381	9	9/1			LÊ ANH XUÂN	
1163	PHẠM TRẦN NHẬT	ÁNH	09-Jun-02	60140382	9	9/1			LÊ ANH XUÂN	
1164	DƯƠNG TRƯƠNG XUÂN	BÌNH	14-Mar-02	60140373	9	9/1			LÊ ANH XUÂN	
1165	LÊ THỊ NGỌC	HÀ	10-Apr-02	60140375	9	9/1			LÊ ANH XUÂN	
1166	NGUYỄN MAI	HÂN	24-Jan-02	60140379	9	9/1			LÊ ANH XUÂN	
1167	NGUYỄN HOÀNG BÁ	HUY	22-Jan-02	60140378	9	9/1			LÊ ANH XUÂN	
1168	PHAN NGUYỄN NHẢ	LINH	16-May-02	60140383	9	9/1			LÊ ANH XUÂN	
1169	HÀ THẢO	MY	28-Jan-02	60140374	9	9/1			LÊ ANH XUÂN	
1170	TRƯƠNG THỊ QUỲNH	NHƯ	01-Jul-02	60140386	9	9/1			LÊ ANH XUÂN	
1171	VÕ NGỌC MINH	THƯ	22-Mar-02	60140387	9	9/1			LÊ ANH XUÂN	
1172	TRƯƠNG CÔNG	Á	03-Oct-02	60141101	9	9/1			THCS LÊ LỢI	
1173	PHẠM VŨ LAN	ANH	03-Feb-02	60141099	9	9/1			THCS LÊ LỢI	
1174	BÙI THẢO	HÂN	22-Dec-02	60141093	9	9/1			THCS LÊ LỢI	
1175	NGUYỄN ĐỨC	HIẾU	26-Oct-02	60141095	9	9/1			THCS LÊ LỢI	
1176	VŨ NHẬT	LINH	07-Mar-02	60141103	9	9/1			THCS LÊ LỢI	
1177	TRẦN PHAN PHI	LONG	08-Jan-02	60141100	9	9/1			THCS LÊ LỢI	
1178	BÙI LINH	PHƯƠNG	04-Jul-02	60141092	9	9/1			THCS LÊ LỢI	
1179	NGUYỄN HỒ NGỌC	PHƯƠNG	07-Oct-02	60141096	9	9/1			THCS LÊ LỢI	
1180	NGUYỄN PHÚC	TÂN	04-Jan-02	60141097	9	9/1			THCS LÊ LỢI	
1181	PHẠM THỊ CẨM	TÚ	05-Nov-02	60141098	9	9/1			THCS LÊ LỢI	
1182	NGUYỄN THỊ MINH	CHÂU	11-Dec-02	60140394	9	9/10			LÊ ANH XUÂN	
1183	PHẠM THÙY	DƯƠNG	06-Dec-02	60140395	9	9/10			LÊ ANH XUÂN	
1184	VŨ XUÂN	HẢI	14-Dec-02	60140397	9	9/10			LÊ ANH XUÂN	
1185	LÊ THÀNH	LONG	27-Dec-02	60140390	9	9/10			LÊ ANH XUÂN	
1186	HUỲNH THUẬN	THIÊN	28-Apr-02	60140388	9	9/10			LÊ ANH XUÂN	
1187	TRƯƠNG THỊ THANH	THÙY	31-Oct-02	60140396	9	9/10			LÊ ANH XUÂN	
1188	ĐOÀN THỊ HÀ	MY	05-Jan-05	60141015	9	9/10			TÂN THỜI HÒA	
1189	BÙI THỊ THU	PHƯƠNG	13-May-02	60141014	9	9/10			TÂN THỜI HÒA	
1190	PHẠM THÙY	LINH	28-Jun-02	60141445	9	9/10			THCS HÙNG VƯƠNG	
1191	HUỲNH CHÁNH	VINH	19-Jun-02	60141444	9	9/10			THCS HÙNG VƯƠNG	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1192	NGUYỄN NGỌC MINH	CHÂU	27-Oct-02	60140399	9	9/12			LÊ ANH XUÂN	
1193	NGUYỄN MINH	ĐỨC	24-Sep-02	60140398	9	9/12			LÊ ANH XUÂN	
1194	NGUYỄN TRƯỜNG	DUY	18-Jul-02	60140401	9	9/12			LÊ ANH XUÂN	
1195	NGUYỄN GIA	LINH	14-Nov-02	60140933	9	9/15			LÊ ANH XUÂN	
1196	NGUYỄN HOÀNG LÊ	NY	08-Dec-02	60140934	9	9/15			LÊ ANH XUÂN	
1197	BÙI HỮU	PHÚC	18-Sep-02	60140932	9	9/15			LÊ ANH XUÂN	
1198	PHẠM NHẬT	QUANG	03-Jan-02	60140935	9	9/15			LÊ ANH XUÂN	
1199	TRẦN THỊ TƯỜNG	VY	06-Apr-02	60140937	9	9/15			LÊ ANH XUÂN	
1200	LÊ NGUYỄN QUANG	HUY	28-Jan-02	60140938	9	9/16			LÊ ANH XUÂN	
1201	LƯƠNG ĐĂNG	KHÔI	25-May-02	60140939	9	9/16			LÊ ANH XUÂN	
1202	NGUYỄN DUY BẢO	PHÚC	14-Aug-02	60140940	9	9/16			LÊ ANH XUÂN	
1203	HUỲNH NGỌC HÀ	AN	17-Sep-02	60140404	9	9/2			LÊ ANH XUÂN	
1204	TRẦN HOÀNG GIA	ÂN	09-Jan-02	60140420	9	9/2			LÊ ANH XUÂN	
1205	LÊ PHƯƠNG	DUNG	01-Jun-02	60140406	9	9/2			LÊ ANH XUÂN	
1206	LÝ GIA	HÂN	26-Feb-02	60140409	9	9/2			LÊ ANH XUÂN	
1207	TRẦN THU	HIỀN	11-Jan-02	60140422	9	9/2			LÊ ANH XUÂN	
1208	NGUYỄN NGÔ NGỌC	MAI	07-Jun-02	60140413	9	9/2			LÊ ANH XUÂN	
1209	NGUYỄN HOÀNG ĐÔNG	NGHI	18-Feb-01	60140412	9	9/2			LÊ ANH XUÂN	
1210	NGUYỄN QUẢNG	PHÚ	04-Dec-02	60140415	9	9/2			LÊ ANH XUÂN	
1211	NGUYỄN DUY	QUANG	19-Nov-02	60140411	9	9/2			LÊ ANH XUÂN	
1212	TRẦN HƯNG	THỊNH	17-Dec-02	60140421	9	9/2			LÊ ANH XUÂN	
1213	NGUYỄN VĂN THUỖNG	TÍN	26-Oct-02	60140416	9	9/2			LÊ ANH XUÂN	
1214	LƯƠNG THỊ KHÁNH	TRÂN	01-Apr-02	60140407	9	9/2			LÊ ANH XUÂN	
1215	LÂM CHÍ	AN	05-Nov-02	60141448	9	9/2			THCS HÙNG VƯƠNG	
1216	ĐẶNG NGỌC QUỲNH	ANH	14-Apr-02	60141446	9	9/2			THCS HÙNG VƯƠNG	
1217	HSIEH HUI	JU	20-Jun-02	60141447	9	9/2			THCS HÙNG VƯƠNG	
1218	LIU HOÀNG	LONG	22-Nov-02	60141449	9	9/2			THCS HÙNG VƯƠNG	
1219	PHẠM THỊ THÚY	BÌNH	21-Dec-02	60141108	9	9/2			THCS LÊ LỢI	
1220	VÕ THÀNH	DANH	01-Sep-02	60141111	9	9/2			THCS LÊ LỢI	
1221	NGUYỄN ĐẠI	NGHĨA	15-Oct-02	60141105	9	9/2			THCS LÊ LỢI	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1222	LÊ NGUYỄN MINH	THI	17-Jan-02	60141104	9	9/2			THCS LÊ LỢI	
1223	NGUYỄN THÀNH	TÀI	10-Jun-02	60141556	9	9/2			THOẠI NGỌC HẦU	
1224	NGUYỄN GIA	VUÔNG	06-Sep-02	60141552	9	9/2			THOẠI NGỌC HẦU	
1225	NGUYỄN THỊ NGỌC	CHÂU	23-Aug-02	60140431	9	9/3			LÊ ANH XUÂN	
1226	PHẠM THỊ LỆ	CHI	12-Nov-02	60140433	9	9/3			LÊ ANH XUÂN	
1227	TRẦN BẢO	HÂN	09-Mar-02	60140435	9	9/3			LÊ ANH XUÂN	
1228	ĐÀO NGỌC	QUANG	10-Feb-02	60140426	9	9/3			LÊ ANH XUÂN	
1229	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	07-Oct-02	60140432	9	9/3			LÊ ANH XUÂN	
1230	TRẦN THÁI	TOÀN	12-Jan-02	60140437	9	9/3			LÊ ANH XUÂN	
1231	LÊ BÍCH	TRÂM	05-May-02	60140429	9	9/3			LÊ ANH XUÂN	
1232	TRẦN NGỌC KHÁNH	UYÊN	07-Oct-02	60140436	9	9/3			LÊ ANH XUÂN	
1233	THÁI ĐÌNH TƯỜNG	VY	21-Mar-02	60140434	9	9/3			LÊ ANH XUÂN	
1234	NGUYỄN GIA	HUY	16-Jun-02	60141451	9	9/3			THCS HÙNG VƯƠNG	
1235	NGUYỄN LINH	CHI	14-Feb-02	60141119	9	9/3			THCS LÊ LỢI	
1236	PHẠM HOÀNG	DŨNG	19-Aug-02	60141123	9	9/3			THCS LÊ LỢI	
1237	LẠI THỊ BẢO	HÂN	30-Mar-02	60141114	9	9/3			THCS LÊ LỢI	
1238	ĐOÀN TRẦN THẢO	HƯƠNG	03-Aug-02	60141112	9	9/3			THCS LÊ LỢI	
1239	NGUYỄN THỊ THÚY	HƯƠNG	04-Jul-02	60141121	9	9/3			THCS LÊ LỢI	
1240	LÊ ANH	HUY	10-Apr-02	60141115	9	9/3			THCS LÊ LỢI	
1241	NGUYỄN HOÀNG HẢI	NAM	10-Mar-02	60141118	9	9/3			THCS LÊ LỢI	
1242	NGÔ VƯƠNG	QUỐC	28-May-02	60141116	9	9/3			THCS LÊ LỢI	
1243	PHAN DƯƠNG TÚ	ANH	24-Jun-02	60140623	9	9/4			ĐẶNG TRẦN CÔN	
1244	DANH THỊ MINH	HẢO	26-Jun-02	60140616	9	9/4			ĐẶNG TRẦN CÔN	
1245	VÕ ĐÌNH	LUÂN	05-Jan-02	60140627	9	9/4			ĐẶNG TRẦN CÔN	
1246	TRẦN THỊ NGỌC	NHI	02-Mar-02	60140625	9	9/4			ĐẶNG TRẦN CÔN	
1247	NGUYỄN THANH	NHU'	26-Jul-02	60140621	9	9/4			ĐẶNG TRẦN CÔN	
1248	LƯƠNG NGUYỄN MINH	CHÁNH	22-Jan-02	60140439	9	9/4			LÊ ANH XUÂN	
1249	VÕ KẾ	HUY	13-Apr-02	60140441	9	9/4			LÊ ANH XUÂN	
1250	LA VĨ	LƯƠNG	06-Nov-02	60140438	9	9/4			LÊ ANH XUÂN	
1251	TRẦN CHÍ	HÀO	16-Mar-02	60141016	9	9/4			TÂN THỜI HÒA	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1252	HỒ SĨ	THÔNG	27-Apr-02	60140630	9	9/5			ĐẶNG TRẦN CÔN	
1253	THÂN NGUYỄN CÁT	TUỜNG	07-Dec-02	60140639	9	9/5			ĐẶNG TRẦN CÔN	
1254	ĐẶNG PHAN HUY	VŨ	21-Sep-02	60140628	9	9/5			ĐẶNG TRẦN CÔN	
1255	NGUYỄN PHƯƠNG	THƯ	17-Sep-02	60140442	9	9/5			LÊ ANH XUÂN	
1256	ĐOÀN THẢO	NGÂN	12-Dec-02	60141383	9	9/5			PHAN BỘI CHÂU	
1257	NGÔ THỊ YẾN	NHUNG	27-May-02	60141017	9	9/6			TÂN THỜI HÒA	
1258	NGUYỄN NAM	HUY	17-Apr-02	60141453	9	9/6			THCS HÙNG VƯƠNG	
1259	DƯƠNG TRẦN NHẬT	MINH	29-Oct-02	60140444	9	9/7			LÊ ANH XUÂN	
1260	ĐẶNG NGỌC	PHÚ	13-Mar-02	60140443	9	9/7			LÊ ANH XUÂN	
1261	BÁ NGUYỄN QUỐC	ANH	07-Feb-02	60141363	9	9/7			NGUYỄN HUỆ	
1262	PHẠM DUY	HUÂN	24-Aug-02	60141369	9	9/7			NGUYỄN HUỆ	
1263	NGUYỄN PHẠM TRÚC	LINH	03-Mar-02	60141366	9	9/7			NGUYỄN HUỆ	
1264	LÊ BÌNH PHƯƠNG	NGUYỄN	29-Mar-02	60141364	9	9/7			NGUYỄN HUỆ	
1265	NGUYỄN THANH	PHƯỚC	01-May-02	60141367	9	9/7			NGUYỄN HUỆ	
1266	TỪ HOÀNG ĐÔNG	THIÊN	08-Feb-02	60141373	9	9/7			NGUYỄN HUỆ	
1267	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	17-Jul-02	60141368	9	9/7			NGUYỄN HUỆ	
1268	PHAN THỊ MINH	THƯ	12-Oct-02	60141370	9	9/7			NGUYỄN HUỆ	
1269	TRẦN LÊ ANH	THƯ	12-Jul-02	60141371	9	9/7			NGUYỄN HUỆ	
1270	VŨ QUANG	VINH	05-Apr-02	60141375	9	9/7			NGUYỄN HUỆ	
1271	NGUYỄN KHÁNH	VY	15-Apr-02	60141365	9	9/7			NGUYỄN HUỆ	
1272	LÊ NGỌC	QUYÊN	09-Oct-02	60141018	9	9/7			TÂN THỜI HÒA	
1273	NGUYỄN HỮU	THỊNH	02-Jun-02	60141019	9	9/7			TÂN THỜI HÒA	
1274	PHẠM NHẬT NGUYỄN	THY	15-May-02	60141020	9	9/7			TÂN THỜI HÒA	
1275	VÕ PHƯƠNG	THÙY	04-May-02	60140446	9	9/8			LÊ ANH XUÂN	
1276	NGUYỄN NGỌC BẢO	HÂN	20-Nov-02	60141021	9	9/8			TÂN THỜI HÒA	
1277	VÕ ĐĂNG	QUANG	18-Oct-02	60140648	9	9/9			ĐẶNG TRẦN CÔN	
1278	TRẦN CÔNG	LIÊM	11-Sep-02	60140448	9	9/9			LÊ ANH XUÂN	
1279	TRẦN HOÀNG	THẮNG	16-Dec-02	60141022	9	9/9			TÂN THỜI HÒA	
1280	ĐÀO QUANG	CHÍNH	16-Apr-02	60141572	9	9A1			TRÍ ĐỨC	
1281	MAI TUẤN	KIỆT	18-Sep-01	60141574	9	9A1			TRÍ ĐỨC	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1282	HỒ NGỌC NGÂN	TRANH	11-Apr-02	60141577	9	9A2			TRÍ ĐỨC	
1283	NGUYỄN HỮU	ĐỨC	02-Feb-02	60141583	9	9C1			TRÍ ĐỨC	
1284	TRƯƠNG CÔNG	ĐỨC	11-Nov-02	60141585	9	9C1			TRÍ ĐỨC	
1285	LÊ QUANG	DUY	17-Aug-02	60141581	9	9C1			TRÍ ĐỨC	
1286	NGUYỄN GIA	HUY	08-Aug-02	60141582	9	9C1			TRÍ ĐỨC	
1287	LÊ ĐĂNG	KHOA	10-Jan-02	60141579	9	9C1			TRÍ ĐỨC	
1288	VŨ TẤN	PHÁT	04-Jul-02	60141586	9	9C1			TRÍ ĐỨC	
1289	PHAN MẠNH	TÂN	11-Jan-02	60141584	9	9C1			TRÍ ĐỨC	
1290	CAO THỊ CẨM	TRÂN	28-Mar-01	60141578	9	9C1			TRÍ ĐỨC	
1291	LÊ NGỌC TÙNG	DƯƠNG	29-Jun-02	60141587	9	9C2			TRÍ ĐỨC	
1292	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	26-Dec-02	60141589	9	9C2			TRÍ ĐỨC	
1293	NGUYỄN ĐỨC	TRÍ	30-Aug-02	60141588	9	9C2			TRÍ ĐỨC	
1294	TRẦN TUẤN	HIỀN	22-Nov-01	60141591	9	9C3			TRÍ ĐỨC	
1295	DƯƠNG HOÀI	VIỆT	29-Oct-01	60141590	9	9C3			TRÍ ĐỨC	
1296	NGÔ THỊ KIỀU	ANH	11-Oct-02	60141126	9	9T1			THCS LÊ LỢI	
1297	NGUYỄN HẢI	ANH	16-Oct-02	60141127	9	9T1			THCS LÊ LỢI	
1298	NGUYỄN TRƯƠNG ĐĂNG	KHOA	20-Aug-02	60141129	9	9T1			THCS LÊ LỢI	
1299	VŨ ĐĂNG	KHOA	29-May-02	60141132	9	9T1			THCS LÊ LỢI	
1300	TRỊNH THUY XUÂN	THẢO	11-Oct-02	60141131	9	9T1			THCS LÊ LỢI	
1301	NGUYỄN LÝ THANH	TRÀ	17-Aug-02	60141128	9	9T1			THCS LÊ LỢI	
1302	PHẠM THỊ MINH	TRANG	04-Dec-02	60141130	9	9T1			THCS LÊ LỢI	
1303	VŨ HOÀNG TƯỜNG	VY	01-Nov-02	60141133	9	9T1			THCS LÊ LỢI	
1304	NGUYỄN NGỌC LÊ	ANH	15-Sep-02	60141142	9	9T2			THCS LÊ LỢI	
1305	PHẠM HOÀNG NAM	ANH	12-Nov-02	60141146	9	9T2			THCS LÊ LỢI	
1306	PHẠM BÌNH PHƯƠNG	DUY	13-Feb-02	60141145	9	9T2			THCS LÊ LỢI	
1307	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	25-Oct-02	60141144	9	9T2			THCS LÊ LỢI	
1308	HOÀNG THẾ	NGÂN	04-Apr-02	60141137	9	9T2			THCS LÊ LỢI	
1309	ĐẶNG NHƯ	NGỌC	07-Jun-02	60141134	9	9T2			THCS LÊ LỢI	
1310	HOÀNG HỮU	NHÂN	27-Dec-02	60141136	9	9T2			THCS LÊ LỢI	
1311	LUU THẢO	NHIÊN	09-Sep-02	60141141	9	9T2			THCS LÊ LỢI	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1312	PHẠM THIÊN	PHÁT	15-May-02	60141147	9	9T2			THCS LÊ LỢI	
1313	NGUYỄN QUANG	PHƯƠNG	20-Apr-02	60141143	9	9T2			THCS LÊ LỢI	
1314	TRƯƠNG HOÀNG	THÔNG	01-Dec-02	60141151	9	9T2			THCS LÊ LỢI	
1315	VŨ MINH	THỦY	14-Jan-02	60141153	9	9T2			THCS LÊ LỢI	
1316	TỔNG THỦY	TIÊN	03-Nov-02	60141148	9	9T2			THCS LÊ LỢI	
1317	TRẦN HOÀNG BẢO	TRÂN	29-Jan-02	60141149	9	9T2			THCS LÊ LỢI	
1318	VŨ NGUYỄN BẢO	TRÂN	06-Aug-02	60141154	9	9T2			THCS LÊ LỢI	
1319	TRẦN TÚ	TRINH	10-Apr-02	60141150	9	9T2			THCS LÊ LỢI	
1320	ĐOÀN ĐỨC	VIỆT	11-Jan-02	60141135	9	9T2			THCS LÊ LỢI	
1321	HOÀNG THẾ	VỸ	04-Apr-02	60141138	9	9T2			THCS LÊ LỢI	